TẬP ĐOÀN DẦU KHÍ QUỐC GIA VIỆT NAM
TỔNG CÔNG TY
HÓA CHẤT VÀ DỊCH VỤ DẦU KHÍ - CTCP

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số: 616 /QĐ-PVChem

Hà Nội, ngày 23 tháng 4 năm 2020

QUYẾT ĐỊNH
Về việc: ban hành Quy chế công bố thông tin Tổng công ty Hóa chất và Dịch vụ Dầu khí - CTCP

HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ
TỔNG CÔNG TY HÓA CHẤT VÀ DỊCH VỤ DẦU KHÍ - CTCP

Căn cứ Luật Doanh nghiệp số 68/2014/QH13 ngày 26/11/2014;

Căn cứ Thông tư 155/2015/TT-BTC ngày 6/10/2015 của Bộ Tài chính về hướng dẫn công bố thông tin trên thị trường chứng khoán;

Căn cứ Quyết định số 606/QĐ-SGDCKHN ngày 29/9/2016 của Sở giao dịch Chứng khoán Hà Nội về quy định công bố thông tin tại Sở Giao dịch Chứng khoán Hà Nội;

Căn cứ Điều lệ Tổ chức và Hoạt động của Tổng công ty Hóa chất và Dịch vụ Dầu khí (PVChem);

Xét đề nghị của Tổng Giám đốc tại công văn số 04/BTGĐ-PNK ngày 8/4/2020 về trình phê duyệt Quy chế công bố thông tin của PVChem và căn cứ Phiếu tổng hợp ý kiến HĐQT PVChem số 43/TK-HĐQT ngày 22/4/2020,

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Ban hành kèm theo Quyết định này "Quy chế công bố thông tin của Tổng công ty Hóa chất và Dịch vụ Dầu khí - CTCP".

Điều 2. Quyết định này có hiệu lực kể từ ngày ký và thay thế Quyết định số 1193/QĐ-DMC ngày 13/6/2014 của HĐQT DMC về Quy định công bố thông tin của DMC (nay là PVChem) .

Điều 3. Tổng Giám đốc, Kế toán trưởng, Trưởng các Ban/Văn phòng Công ty Mẹ - PVChem, Người nội bộ của PVChem, Người thực hiện công bố thông tin/Người được ủy quyền công bố thông tin, các tổ chức/cá nhân có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này.

Nơi nhận:
- Như Điều 3;
- HĐQT (e-copy);
- TGĐ (e-copy);
- TBKS (e-copy);
- Các Phó TGĐ B.T.Ngọc, P.N.Khuê (e-copy);
- Lưu VT, TK.HĐQT.

T.M. HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ
CHỦ TỊCH

TỔNG CÔNG TY HÓA CHẤT VÀ DỊCH VỤ DẦU KHÍ - CTCP

Trương Đại Nghĩa

QUY CHẾ CÔNG BỐ THÔNG TIN
TỔNG CÔNG TY HÓA CHẤT VÀ DỊCH VỤ DẦU KHÍ – CTCP

(Ban hành kèm theo Quyết định số 616 /QĐ-PVChem ngày 23 tháng 4 năm 2020 của Hội đồng quản trị PVChem)

CHƯƠNG I
NHỮNG QUY ĐỊNH CHUNG

Điều 1. Phạm vi và đối tượng áp dụng

1. Phạm vi áp dụng: Quy chế công bố thông tin quy định việc tổ chức và thực hiện công bố thông tin trên thị trường chứng khoán Việt Nam của Tổng công ty Hóa chất và Dịch vụ Dầu khí - CTCP.
2. Đối tượng áp dụng:

- Tổng công ty/Công ty Mẹ-PVChem;
- Các Ban/Văn phòngCông ty Mẹ;
- Người nội bộ và Người có liên quan của người nội bộ;
- Người thực hiện công bố thông tin/Người được ủy quyền công bố thông tin;
- Các tổ chức/cá nhân có liên quan.

Điều 2. Mục đích công bố thông tin

Việc công bố thông tin theo quy định của Quy chế này nhằm công khai các hoạt động của Tổng công ty, đảm bảo quyền và lợi ích hợp pháp cho các cổ đông và những ngườicó liên quan của Tổng công ty; giúp các nhà đầu tư, cổ đông nắm được thông tin hoạt động và có cơ sở đánh giá khách quan về hoạt động của Tổng công ty, đồng thời chấp hành nghĩa vụ công bố thông tin theo quy định của pháp luật.

Điều 3. Giải thích từ ngữ

Trừ khi pháp luật, Điều lệ Tổ chức và Hoạt động của Tổng công ty Hóa chất và Dịch vụ Dầu khí có quy định khác, các từ ngữ được sử dụng trong Quy chế này được hiểu như sau:

1. PVChem/Tổng công ty là Tổng công ty Hóa chất và Dịch vụ Dầu khí - CTCP;
2. Điều lệ PVChem là Điều lệ Tổ chức và Hoạt động của Tổng công ty Hóa chất và Dịch vụ Dầu khí - CTCP và các sửa đổi, bổ sung (nếu có);
3. Quy chế là Quy chế công bố thông tin của PVChem và các sửa đổi, bổ sung (nếu có);
4. ĐHĐCĐ là Đại hội đồng cổ đông PVChem;
5. HĐQT là Hội đồng Quản trị PVChem;
6. BKS là Ban Kiểm soát PVChem;
7. TGĐ là Tổng Giám đốc PVChem;
8. UBCKNN là Ủy ban chứng khoán Nhà nước;
9. SGDCK là Sở giao dịch chứng khoán;
10. VSD là Trung tâm lưu ký chứng khoán Việt Nam;
11. BCTC là Báo cáo tài chính;

12. Luật Chứng khoán: Là Luật Chứng khoán số 70/2006/QH11 ngày 29/6/2006 và các sửa đổi, bổ sung (nếu có);
13. TT 155: Là Thông tư số 155/2015/TT-BTC ngày 6/10/2015 của Bộ Tài chính về hướng dẫn công bố thông tin trên thị trường chứng khoán;
14. Cổ đông lớn: là các tổ chức/cá nhân sở hữu từ 5% trở lên cổ phiếu có quyền biểu quyết của PVChem;
15. Người nội bộ của PVChem là các Ủy viên Hội đồng quản trị, Trưởng Ban Kiểm soát, Kiểm soát viên, Tổng Giám đốc và các Phó Tổng Giám đốc (hoặc các chức danh tương đương do ĐHĐCĐ PVChem bầu hoặc HĐQT PVChem bổ nhiệm), Kế toán trưởng/Người phụ trách kế toán, Người đại diện theo pháp luật, Người được ủy quyền công bố thông tin của Tổng công ty;
16. Người có liên quan: là các tổ chức/cá nhân theo quy định tại khoản 34, Điều 6 Luật Chứng khoán;
17. Ngày công bố thông tin là ngày thông tin xuất hiện trên một trong các phương tiện công bố thông tin quy định tại khoản 1 Điều 5 Quy chế này;
18. Ngày báo cáo về việc công bố thông tin là ngày gửi fax/dữ liệu điện tử qua email/ngày thông tin được tiếp nhận trên hệ thống thông tin điện tử của UBCKNN, SGDCK hoặc ngày UBCKNN, SGDCK nhận được văn bản báo cáo về việc công bố thông tin;
19. Số cổ phiếu đang lưu hành có quyền biểu quyết của Tổng công ty là tổng số cổ phiếu có quyền biểu quyết của Tổng công ty đã phát hành trừ đi số cổ phiếu có quyền biểu quyết được Tổng công ty mua lại làm cổ phiếu quỹ;
20. Ngày hoàn tất giao dịch chứng khoán được xác định như sau:

- Là ngày kết thúc việc thanh toán giao dịch trong trường hợp giao dịch thực hiện qua SGDCK.
- Là ngày kết thúc việc chuyển quyền sở hữu chứng khoán tại VSD trong trường hợp giao dịch không thực hiện qua SGDCK.

Điều 4.Yêu cầu thực hiện công bố thông tin

Việc công bố thông tin phải đầy đủ, chính xác và kịp thời theo quy định của pháp luật. Khi thực hiện công bố thông tin, Người thực hiện công bố thông tin, Người có liên quan không được:

1. Che giấu những thông tin bất lợi hoặc làm giảm tính chính xác của thông tin phải công bố;
2. Đưa ra những dự đoán không thực tế hoặc phương án không khả thi;
3. Sử dụng nhiều từ khó hiểu hoặc thuật ngữ chuyên ngành;
4. Công bố thông tin có tính cường điệu gây hiểu nhầm và ảnh hưởng đến thị trường;
5. Thay đổi hoặc phủ nhận nội dung thông tin đã công bố mà không được sự chấp thuận của UBCKNN, SGDCK;
6. Sử dụng thông tin chưa được phép công bố để mua bán chứng khoán.

Điều 5. Phương tiện và hình thức công bố thông tin

1. Phương tiện công bố thông tin:

- Người thực hiện công bố thông tin/người được ủy quyền công bố thông tin phải công bố trên các phương tiện sau:
  - Trang thông tin điện tử của Tổng công ty
  - Hệ thống công bố thông tin của UBCKNN
  - Hệ thống công bố thông tin của SGDCK
  - Hệ thống công bố thông tin của VSD
  - Các phương tiện thông tin đại chúng khác theo quy định pháp luật
- Tổng công ty phải lập trang thông tin điện tử để thực hiện công bố thông tin theo quy định tại Khoản 2, Điều 5 TT 155;
- Trường hợp nghĩa vụ công bố thông tin phát sinh vào ngày nghỉ, ngày Lễ theo quy định pháp luật, Tổng công ty phải thực hiện công bố thông tin trên trang thông tin điện tử của Tổng công ty và thực hiện đầy đủ nghĩa vụ công bố thông tin theo quy định pháp luật sau khi ngày nghỉ, ngày Lễ kết thúc.

2. Hình thức công bố thông tin:

- Các thông tin công bố, báo cáo phải được chuyển đến SGDCK, UBCKNN dưới hình thức văn bản và/hoặc hình thức dữ liệu điện tử có sử dụng chữ ký số theo hướng dẫn của SGDCK, UBCKNN.
- Trường hợp đối tượng công bố thông tin là Người có liên quan theo quy định tại khoản 34, Điều 6 Luật Chứng khoán việc gửi thông tin công bố đến SGDCK và UBCKNN phải đồng thời gửi đến PVChem. Các thông tin này sẽ được công bố trên website của PVChem.

Điều 6. Nguyên tắc công bố thông tin

1. Việc cung cấp/công bố thông tin phải đầy đủ, chính xác, kịp thời theo quy định pháp luật và bảo đảm:

- Các Ban/Văn phòng/tổ chức/cá nhân có liên quan và Người thực hiện công bố thông tin phải chịu trách nhiệm về nội dung thông tin cung cấp/công bố. Trường hợp có sự thay đổi nội dung thông tin đã cung cấp/công bố, các Ban/Văn phòng/tổ chức/cá nhân có liên quan và Người thực hiện công bố thông tin phải cung cấp/công bố nội dung thay đổi và lý do thay đổi so với thông tin đã công bố trước đó;
- Trường hợp có sự kiện, thông tin làm ảnh hưởng đến giá chứng khoán, các Ban/Văn phòng/đơn vị/cá nhân có liên quan phải xác nhận hoặc đính chính thông tin về sự kiện phát sinh (nếu có) và thông báo bằng văn bản đảm bảo Người thực hiện công bố thông tin trong vòng 24 giờ (sau khi HĐQT/TGĐ phê duyệt nội dung công bố), kể từ khi nhận biết được về sự kiện, thông tin đó hoặc theo yêu cầu của Ủy ban Chứng khoán Nhà nước, Sở giao dịch chứng khoán;
- Việc công bố các thông tin cá nhân bao gồm số Thẻ căn cước công dân, số Chứng minh nhân dân hoặc số Hộ chiếu còn hiệu lực, địa chỉ liên lạc, địa chỉ thường trú, số điện thoại, số fax, email, số tài khoản giao dịch chứng khoán, số tài khoản lưu ký chứng khoán, số tài khoản ngân hàng chỉ được thực hiện nếu chủ thể liên quan đồng ý.

2. Các đối tượng quy định tại khoản 2 Điều 1 Quy chế này khi công bố thông tin phải đồng thời báo cáo Ủy ban Chứng khoán Nhà nước và Sở giao dịch chứng khoán nơi chứng khoán đó niêm yết, đăng ký giao dịch về nội dung thông tin công bố, bao gồm đầy đủ các thông tin theo quy định. Trường hợp thông tin công bố bao gồm các thông tin cá nhân quy định tại điểm 3 khoản 1 Điều này và các đối tượng công bố thông tin không muốn công khai các thông tin này thì phải gửi Ủy ban Chứng khoán Nhà nước và Sở giao dịch chứng khoán 02 bản tài liệu, trong đó 01 bản báo cáo về việc công bố thông tin bao gồm đầy đủ thông tin cá nhân và 01 bản báo cáo không bao gồm thông tin cá nhân để Ủy ban Chứng khoán Nhà nước và Sở giao dịch chứng khoán nơi chứng khoán đó niêm yết, đăng ký giao dịch thực hiện công bố thông tin.

3. Người thực hiện công bố thông tin có trách nhiệm bảo quản, lưu giữ thông tin đã báo cáo, công bố theo quy định sau:

- Các thông tin công bố định kỳ phải được lưu giữ dưới dạng văn bản (nếu có) và dữ liệu điện tử tối thiểu 10 năm. Các thông tin này phải được lưu giữ trên trang thông tin điện tử của Tổng công ty tối thiểu là 05 năm;
- Các thông tin công bố bất thường hoặc theo yêu cầu phải lưu giữ trên trang thông tin điện tử của Tổng công ty trong tối thiểu 05 năm.

4. Ngôn ngữ thông tin công bố trên thị trường chứng khoán là tiếng Việt và khuyến khích công bố thông tin bằng tiếng Anh theo hướng dẫn tại Quy chế của Sở giao dịch chứng khoán, Ủy ban Chứng khoán Nhà nước. Trường hợp công bố thông tin bằng tiếng Việt và tiếng Anh thì nội dung thông tin công bố bằng tiếng Anh chỉ có tính chất tham khảo.

Điều 7. Tạm hoãn công bố thông tin

1. PVChem được tạm hoãn công bố thông tin trong trường hợp vì những lý do bất khả kháng (thiên tai, hỏa hoạn...). Người thực hiện công bố thông tin phải báo cáo UBCKNN, SGDCK về việc tạm hoãn công bố thông tin ngay khi xảy ra sự kiện, trong đó nêu rõ lý do của việc tạm hoãn công bố thông tin, đồng thời công bố về việc tạm hoãn công bố thông tin.

2. Ngay sau khi khắc phục được tình trạng bất khả kháng, Người thực hiện công bố thông tin có trách nhiệm công bố đầy đủ các thông tin mà trước đó chưa công bố theo quy định pháp luật.

Điều 8. Cải chính thông tin đã công bố

Người thực hiện công bố thông tin có trách nhiệm cải chính thông tin đã công bố nếu thông tin đó không/chưa chính xác trên cơ sở cung cấp lại thông tin của các Ban/Văn phòng/tổ chức/cá nhân có liên quan và báo cáo/trình HĐQT/TGĐ xem xét, phê duyệt trước khi công bố lại (nếu cần).

CHƯƠNG II. NGƯỜI THỰC HIỆN CÔNG BỐ THÔNG TIN

Điều 9. Người thực hiện công bố thông tin/Người được ủy quyền công bố thông tin

1. Người thực hiện công bố thông tin là người đại diện theo pháp luật của Tổng công ty, trực tiếp thực hiện hoạt động công bố thông tin theo trình tự, thủ tục phù hợp với Quy chế này và quy định của pháp luật.

2. Trường hợp người đại diện theo pháp luật của Tổng công ty không trực tiếp công bố thông tin thì có thể ủy quyền cho người khác thực hiện việc công bố thông tin.

3. Người đại diện theo pháp luật của Tổng công ty phải chịu trách nhiệm về tính chính xác, kịp thời và đầy đủ về thông tin do mình hoặc người được ủy quyền công bố thông tin (trong trường hợp ủy quyền) công bố.

Điều 10. Người được ủy quyền công bố thông tin

1. Người được ủy quyền công bố thông tin là người được người đại diện theo pháp luật của Tổng công ty ủy quyền công bố thông tin.

2. Người đại diện theo pháp luật của Tổng công ty phải ký Giấy ủy quyền công bố thông tin theo ***Mẫu - 01*** của Quy chế này đồng thời gửi sơ yếu lý lịch của Người được ủy quyềncông bố thông tin và danh sách Người có liên quan của người được ủy quyền công bố thông tin tới UBCKNN, SGDCK để đăng ký theo quy định của pháp luật.

Điều 11. Quyền hạn và trách nhiệm của Người thực hiện công bố thông tin/Người được ủy quyền công bố thông tin

1. Đại diện cho Tổng công ty trong công tác công bố thông tin;

2. Yêu cầu các Ban/Văn phòng/tổ chức/cá nhân có liên quan cung cấp, báo cáo số liệu đầy đủ, đúng thời hạn theo quy định tại Quy chế này và các quy định liên quan của pháp luật;

3. Đề xuất, kiến nghị với HĐQT/TGĐ về những hoạt động liên quan đến công bố thông tin (nếu cần) và đề xuất việc sửa đổi, bổ sung Quy chế này;

4. Theo dõi những công việc có liên quan hoặc ảnh hưởng đến việc công bố thông tin của Tổng công ty;

5. Chịu trách nhiệm trước Tổng công ty và pháp luật về các thông tin công bố.

Điều 12. Thay đổi Người thực hiện công bố thông tin/Người được ủy quyền công bố thông tin

1. Người thực hiện công bố thông tin được thay đổi trong các trường hợp sau:

- Thôi đảm nhiệm chức vụ/công việc được giao;
- Mất khả năng thực hiện nhiệm vụ;
- Có hành vi cố ý vi phạm các quy định về công bố thông tin;
- Theo quyết định của người đại diện theo pháp luật Tổng công ty (trường hợp người công bố thông tin là người được ủy quyền thực hiện việc công bố thông tin);
- Các trường hợp khác theo quy định của pháp luật.

2. Trường hợp thay đổi Người công bố thông tin/Người được ủy quyền công bố thông tin, Tổng công ty phải gửi văn bản thông báo thay đổi theo ***Mẫu - 02*** tại Quy chế này, sơ yếu lý lịch và danh sách Người có liên quan với người được thay đổi cho UBCKNN và SGDCK ít nhất 24 giờ trước khi việc ủy quyền có hiệu lực.

CHƯƠNG III
NỘI DUNG CÔNG BỐ THÔNG TIN
Mục 1 - Nội dung công bố thông tin của Tổng công ty

Điều 13. Công bố thông tin định kỳ

1. Báo cáo tài chính

a. BCTC năm:

- Nội dung công bố: Tổng công ty phải công bố BTTC năm đã được kiểm toán bởi tổ chức kiểm toán được chấp thuận thực hiện kiểm toán gồm các nội dung:
  - Báo cáo tài chính phải bao gồm đầy đủ các báo cáo, phụ lục, thuyết minh theo quy định pháp luật về kế toán doanh nghiệp;
  - Tổng công ty là Công ty mẹ của một tổ chức khác hoặc có các đơn vị trực thuộc không có tư cách pháp nhân, Tổng công ty phải công bố 02 báo cáo: báo cáo tài chính riêng và báo cáo tài chính năm hợp nhất theo quy định pháp luật về kế toán doanh nghiệp;
  - Toàn văn báo cáo tài chính năm đã được kiểm toán phải được công bố đầy đủ, kể cả báo cáo kiểm toán về báo cáo tài chính đó. Trường hợp kiểm toán không chấp nhận toàn phần báo cáo tài chính, Tổng công ty phải công bố báo cáo tài chính năm, báo cáo kiểm toán kèm theo văn bản giải trình của Tổng công ty.
- Thời hạn công bố
  - Tổng công ty phải công bố BCTC năm đã được kiểm toán trong thời hạn 10 ngày, kể từ ngày tổ chức kiểm toán ký báo cáo kiểm toán nhưng không vượt quá 90 ngày, kể từ ngày kết thúc năm tài chính;
  - Trường hợp Tổng công ty không thể hoàn thành việc công bố BCTC năm trong thời hạn nêu trên do phải lập báo cáo tài chính hợp nhất thì UBCKNN xem xét gia hạn thời gian công bố BCTC năm khi có yêu cầu bằng văn bản Tổng công ty, nhưng tối đa không quá 100 ngày, kể từ ngày kết thúc năm tài chính bảo đảm phù hợp với quy định pháp luật liên quan.

b. BCTC bán niên:

- Nội dung công bố: BCTC bán niên phải là BCTC giữa niên độ dạng đầy đủ theo Chuẩn mực kế toán "Báo cáo tài chính giữa niên độ", trình bày số liệu tài chính trong 06 tháng đầu năm tài chính của Tổng công ty. Báo cáo tài chính bán niên phải được soát xét theo Chuẩn mực về công tác soát xét BCTC. Toàn văn BCTC bán niên phải được công bố đầy đủ, kèm theo ý kiến kiểm toán và văn bản giải trình của Tổng công ty trong trường hợp BCTC bán niên được soát xét có kết luận của kiểm toán viên là không đạt yêu cầu;
- Thời hạn công bố: Tổng công ty phải lập và công bố thông tin về BCTC bán niên (BCTC 06 tháng) đã được soát xét bởi tổ chức kiểm toán được chấp thuận theo Chuẩn mực kiểm toán về công tác soát xét BCTC trong thời hạn năm (05) ngày làm việc, kể từ ngày tổ chức kiểm toán được chấp thuận ký báo cáo soát xét nhưng không vượt quá bốn mươi lăm (45) ngày, kể từ ngày kết thúc sáu (06) tháng đầu năm tài chính;
- Trường hợp Tổng công ty không thể hoàn thành việc công bố BCTC bán niên trong thời hạn nêu trên do phải lập BCTC hợp nhất thì UBCKNN xem xét gia hạn thời

gian công bố BCTC bán niên khi có yêu cầu bằng văn bản của Tổng công ty, nhưng tối đa không quá sáu mươi (60) ngày, kể từ ngày kết thúc sáu (6) tháng năm tài chính đảm bảo phù hợp theo quy định của pháp luật.

c. BCTC Quý:

- Nội dung công bố: Tổng công ty phải công bố BCTC Quý hoặc BCTC Quý đã được soát xét (nếu có).

  BCTC Quý phải là BCTCgiữa niên độ dạng đầy đủ theo Chuẩn mực kế toán "Báo cáo tài chính giữa niên độ", được lập theo quy định. Toàn văn BCTC Quý hoặc BCTC Quý đã được soát xét (nếu có) phải được công bố đầy đủ, kèm theo ý kiến kiểm toán và văn bản giải trình của Tổng công ty trong trường hợp BCTC Quý được soát xét (nếu có) có kết luận của kiểm toán viên là không đạt yêu cầu.

- Thời hạn công bố: Tổng công ty phải công bố BCTC Quý trong thời hạn hai mươi (20) ngày, kể từ ngày kết thúc Quý.

- Trường hợp Tổng công ty không thể hoàn thành việc công bố BCTC Quý trong thời hạn nêu trên do phải lập báo cáo tài chính hợp nhất thì UBCKNN xem xét gia hạn thời gian công bố BCTC Quý khi có yêu cầu bằng văn bản Tổng công ty, nhưng tối đa không quá 30 ngày, kể từ ngày kết thúc Quý đảm bảo phù hợp theo quy định của pháp luật.

d. Khi công bố thông tin các BCTC năm, BCTC bán niên, BCTC Quý, Tổng công ty phải đồng thời giải trình nguyên nhân khi xảy ra một trong các trường hợp sau:

- Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp tại Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh của kỳ công bố thay đổi từ 10% trở lên so với báo cáo cùng kỳ năm trước;

- Lợi nhuận sau thuế trong kỳ báo cáo bị lỗ; hoặc chuyển từ lãi ở kỳ trước sang lỗ ở kỳ này hoặc ngược lại;

- Số liệu, kết quả hoạt động kinh doanh lũy kế từ đầu năm tại báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh trong BCTC Quý II đã công bố so với BCTC bán niên được soát xét; hoặc tại BCTC Quý IV đã công bố so với BCTC năm được kiểm toán có sự chênh lệch từ 5% trở lên; hoặc chuyển từ lỗ sang lãi hoặc ngược lại;

- Số liệu, kết quả hoạt động kinh doanh tại báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh trong kỳ báo cáo có sự chênh lệch trước và sau kiểm toán hoặc soát xét từ 5% trở lên.

e. Tổng công ty có công ty con, công ty liên kết hoặc có các đơn vị kế toán trực thuộc thì phải giải trình nguyên nhân phát sinh các sự kiện quy định tại điểm d, khoản 1 Điều này trên cả cơ sở báo cáo tài chính riêng và báo cáo tài chính hợp nhất.

2. Báo cáo thường niên

Tổng công ty phải lập Báo cáo thường niên theo ***Mẫu – 03*** kèm theo Quy chế này và công bố thông tin về Báo cáo thường niên chậm nhất là hai mươi (20) ngày sau khi công bố BCTC năm được kiểm toán nhưng không vượt quá 120 ngày, kể từ ngày kết thúc năm tài chính. Việc công bố thông tin phải được thực hiện trên trang thông tin điện tử của Tổng công ty, phương tiện công bố thông tin của UBCKNN, SGDCK và lưu giữ theo quy định tại Quy chế này.Thông tin tài chính trong Báo cáo thường niên phải phù hợp với BCTC năm được kiểm toán.

3. Báo cáo tình hình quản trị Tổng công ty

a. Định kỳ sáu (06) tháng và năm, Tổng công ty phải công bố thông tin về tình hình

quản trị công ty theo ***Mẫu- 04*** kèm theo Quy chế này. Thời hạn công bố thông tin Báo cáo tình hình quản trị công ty sáu (06) tháng và năm chậm nhất là ba mươi (30) ngày, kể từ ngày kết thúc kỳ báo cáo;

b. Tổng công ty thực hiện công bố thông tin theo quy định tại điểm a Khoản 3 Điều này trên trang thông tin điện tử của Tổng công ty và trên phương tiện công bố thông tin của UBCKNN, SGDCK theo quy định.

c. Thông báo Danh sách Người nội bộ và Người có liên quan của Người nội bộ (kèm theo Báo cáo quản trị Tổng công ty) ***Mẫu - 11;***

4. Công bố thông tin về họp Đại hội đồng cổ đông

a. Tổng công ty phải công bố thông tin về ngày đăng ký cuối cùng thực hiện quyền cho cổ đông (quyền tham dự ĐHĐCĐ, lấy ý kiến bằng văn bản, nhận cổ tức...) và công bố thông tin trước 20 ngày trước ngày đăng ký cuối cùng;

b. Chậm nhất 15 ngày trước ngày khai mạc họp Đại hội đồng cổ đông thường niên/bất thường, Tổng công ty phải công bố trên trang thông tin điện tử của Tổng công ty và UBCKNN, SGDCK về việc họp Đại hội đồng cổ đông, trong đó nêu rõ đường dẫn đến toàn bộ tài liệu họp Đại hội đồng cổ đông thường niên/bất thường, bao gồm: thông báo mời họp, mẫu chỉ định đại diện theo ủy quyền dự họp, chương trình họp, phiếu biểu quyết, danh sách và thông tin chi tiết của các ứng cử viên trong trường hợp bầu thành viên Ban Kiểm soát, thành viên Hội đồng Quản trị; các tài liệu tham khảo làm cơ sở thông qua quyết định và dự thảo nghị quyết đối với từng vấn đề trong chương trình họp;

c. Tài liệu họp Đại hội đồng cổ đông thường niên/bất thường phải được đăng tải và cập nhật các sửa đổi, bổ sung (nếu có) cho tới khi kết thúc Đại hội đồng cổ đông.

d. Trường hợp không tổ chức thành công cuộc họp Đại hội đồng cổ đông lần thứ nhất, Tổng công ty công bố về chương trình và thời điểm dự kiến tổ chức các cuộc họp kế tiếp, tiếp tục duy trì việc đăng tải và cho phép cổ đông tải tài liệu họp Đại hội đồng cổ đông theo quy định tại Khoản b Điều này cho tới khi tổ chức thành công Đại hội đồng cổ đông. Thời điểm tổ chức các cuộc họp kế tiếp thực hiện theo quy định pháp luật;

e. Biên bản họp, Nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông thường niên phải được công bố theo quy định trong vòng 24h kể từ khi Biên bản họp và Nghị quyết được ban hành.

5. Công bố thông tin về việc chào bán chứng khoán và tiến độ sử dụng vốn thu được từ đợt chào bán

a. Tổng công ty thực hiện chào bán chứng khoán phải tuân thủ quy định về công bố thông tin theo quy định pháp luật về chào bán chứng khoán.

b. Trường hợp Tổng công ty chào bán chứng khoán ra công chúng để huy động vốn cho dự án đầu tư, định kỳ sáu (06) tháng, kể từ ngày kết thúc đợt chào bán, Tổng công ty phải báo cáo UBCKNN, công bố trên trang thông tin điện tử và trên phương tiện công bố thông tin của UBCKNN, SGDCK về tiến độ sử dụng vốn thu được từ đợt chào bán. Trường hợp thay đổi các nội dung tại phương án sử dụng vốn, mục đích sử dụng vốn, trong vòng 10 ngày kể từ khi ra quyết định thay đổi các nội dung này, Tổng công ty phải báo cáo UBCKNN và công bố thông tin nội dung thay đổi trên trang thông tin điện tử của Tổng công ty. Mọi thay đổi phải được báo cáo lại tại ĐHĐCĐ gần nhất.

c. Tổng công ty thực hiện báo cáo và công bố thông tin về đợt chào bán chứng khoán trên cho đến khi giải ngân hết vốn huy động được từ đợt chào bán cổ phiếu ra công chúng.

d. Tổng công ty phải công bố báo cáo sử dụng vốn được kiểm toán xác nhận tại Đại hội đồng cổ đông thường niên hoặc thuyết minh chi tiết việc sử dụng vốn thu được từ đợt chào bán trong báo cáo tài chính năm được kiểm toán xác nhận.

6. Công bố thông tin về giới hạn tỷ lệ sở hữu của cổ đông nước ngoài: Tổng công ty phải công bố thông tin về giới hạn tỷ lệ sở hữu nước ngoài và các thay đổi liên quan đến tỷ lệ sở hữu này trên trang thông tin điện tử của Tổng công ty, của SGDCK, VSD theo quy định pháp luật chứng khoán hướng dẫn hoạt động đầu tư nước ngoài trên thị trường chứng khoán Việt Nam.

7. Công bố thông tin về danh sách cổ đông lớn ***(Mẫu – 09)***

Tổng công ty gửi báo cáo danh sách cổ đông nhà nước, cổ đông lớn tại thời điểm 6 tháng đầu năm và 6 tháng cuối năm tài chính. Báo cáo 6 tháng đầu năm căn cứ trên danh sách cổ đông được chốt tại thời điểm gần nhất trước ngày 30/06 gửi tới SGDCK chậm nhất là ngày 30/7; Báo cáo 6 tháng cuối năm căn cứ trên danh sách cổ đông chốt tại thời điểm gần nhất trước ngày 31/12, gửi tới SGDCK chậm nhất là ngày 30/01 năm tiếp theo.

Điều 14. Công bố thông tin bất thường

1. Nội dung công bố thông tin bất thường phải nêu rõ sự kiện xảy ra, nguyên nhân, kế hoạch và các giải pháp khắc phục (nếu có).

2. Tổng công ty phải công bố thông tin bất thường trong thời hạn hai mươi bốn (24) giờ, kể từ khi xảy ra một trong các sự kiện sau đây:

a. Tài khoản của Tổng công ty tại ngân hàng bị phong toả hoặc được phép hoạt động trở lại sau khi bị phong toả, ngoại trừ trường hợp phong tỏa theo yêu cầu của Tổng công ty;

b. Tạm ngừng một phần hoặc toàn bộ hoạt động kinh doanh; bổ sung hoặc rút bớt một hoặc một số ngành nghề kinh doanh; bị đình chỉ hoặc thu hồi/thay đổi nội dung Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp; Thay đổi thông tin trong Bản cáo bạch sau khi đã được UBCKNN cấp Giấy chứng nhận đăng ký chào bán;

c. Thông qua quyết định của ĐHĐCĐ (bao gồm Nghị quyết, Biên bản họp ĐHĐCĐ hoặc biên bản kiểm phiếu trong trường hợp lấy ý kiến cổ đông bằng văn bản). Trường hợp ĐHĐCĐ thông qua việc hủy niêm yết, Tổng công ty phải công bố thông tin về việc hủy niêm yết kèm theo tỷ lệ thông qua của cổ đông không phải là cổ đông lớn;

d. Quyết định về việc mua lại cổ phiếu của Tổng công ty hoặc bán lại số cổ phiếu đã mua; ngày thực hiện quyền mua cổ phiếu của người sở hữu trái phiếu kèm theo quyền mua cổ phiếu hoặc ngày thực hiện chuyển đổi trái phiếu chuyển đổi sang cổ phiếu; quyết định chào bán chứng khoán ra nước ngoài và các quyết định liên quan đến việc chào bán chứng khoán theo quy định pháp luật về doanh nghiệp;

e. Quyết định (kèm Biên bản họp hoặc Biên bản kiểm phiếu) về mức cổ tức, hình thức trả cổ tức, phát hành cổ phiếu thưởng; về việc chia, tách, hợp nhất, sáp nhập doanh nghiệp; tách, gộp cổ phiếu; giải thể Tổng công ty; thay đổi tên Tổng công ty, con dấu của Tổng công ty; thay đổi địa điểm, thành lập mới hoặc đóng cửa trụ sở chính, chi nhánh; sửa đổi, bổ sung Điều lệ; chiến lược, kế hoạch phát triển trung hạn và kế

hoạch kinh doanh hàng năm của Tổng công ty;

f. Quyết định thay đổi kỳ kế toán, chính sách kế toán áp dụng (trừ trường hợp thay đổi chính sách kế toán áp dụng do thay đổi quy định pháp luật); thông báo doanh nghiệp kiểm toán đã ký hợp đồng kiểm toán BCTC hoặc thay đổi doanh nghiệp kiểm toán (sau khi đã ký hợp đồng); doanh nghiệp kiểm toán từ chối kiểm toán BCTC của Tổng công ty; kết quả điều chỉnh hồi tố BCTC (nếu có); ý kiến không phải là ý kiến chấp nhận toàn phần của kiểm toán viên đối với BCTC;

g. Quyết định tham gia góp vốn thành lập, mua để tăng sở hữu trong một công ty dẫn đến công ty đó trở thành công ty con, công ty liên doanh, công ty liên kết hoặc bán để giảm sở hữu tại công ty con, công ty liên doanh, công ty liên kết dẫn đến công ty đó không còn là công ty con, công ty liên doanh, công ty liên kết hoặc giải thể công ty con, công ty liên doanh, công ty liên kết; đóng, mở cửa chi nhánh, nhà máy…

h. Quyết định của ĐHĐCĐ hoặc HĐQT thông qua hợp đồng giữa Tổng công ty với Người nội bộ hoặc Người có liên quan;

i. Quyết định phát hành trái phiếu chuyển đổi, cổ phiếu ưu đãi;

j. Khi có sự thay đổi số cổ phiếu có quyền biểu quyết đang lưu hành ***(Mẫu - 15)***. Thời điểm công bố thông tin thực hiện như sau:

- Trường hợp Tổng công ty phát hành thêm cổ phiếu, tính từ thời điểm Tổng công ty báo cáo Ủy ban Chứng khoán Nhà nước về kết quả phát hành theo quy định pháp luật về phát hành chứng khoán;
- Trường hợp Tổng công ty giao dịch cổ phiếu quỹ, tính từ thời điểm Tổng công tybáo cáo kết quả giao dịch cổ phiếu quỹ theo quy định pháp luật về giao dịch cổ phiếu quỹ;
- Trường hợp Tổng công ty mua lại cổ phiếu của cán bộ công nhân viên theo chương trình lựa chọn người lao động trong Tổng công ty hoặc mua lại cổ phiếu lẻ của Tổng công ty thông qua công ty chứng khoán; Tổng công ty công bố thông tin trong vòng 10 ngày đầu tiên của tháng trên cơ sở các giao dịch đã hoàn tất và cập nhật đến ngày công bố thông tin.

k. Tổng công ty có trách nhiệm công bố khối lượng cổ phiếu có quyền biểu quyết đang lưu hành trên trang thông tin điện tử của Tổng công ty và cập nhật dữ liệu trong vòng 24 giờ kể từ khi báo cáo UBCKNN về kết quả phát hành hoặc giao dịch cổ phiếu quỹ hoặc các trường hợp khác dẫn đến thay đổi số lượng cổ phiếu đang lưu hành có quyền biểu quyết;

l. Tổng công ty thay đổi, bổ nhiệm mới, bổ nhiệm lại, bãi nhiệm người nội bộ ***(Mẫu - 10)***. Trong vòng 03 ngày làm việc kể từ ngày công bố thông tin về việc thay đổi, bổ nhiệm mới, bổ nhiệm lại, bãi nhiệm Người nội bộ, Tổng công ty gửi UBCNKK, SGDCK Bản cung cấp thông tin của Người nội bộ mới theo ***Mẫu - 02***;

m. Trường hợp có phát sinh/thay đổi Người có liên quan của Người nội bộ, Tổng công ty thực hiện báo cáo SGDCK trong vòng 3 ngày làm việc kể từ ngày thay đổi theo biểu ***Mẫu - 12;***

n. Khi có quyết định khởi tố, tạm giam, truy cứu trách nhiệm hình sự đối với Người nội bộ của Tổng công ty;

o. Khi nhận được bản án, quyết định của Tòa án liên quan đến hoạt động của Tổng

công ty; kết luận của cơ quan thuế về việc Tổng công ty phạm pháp luật về thuế;

p. Quyết định vay hoặc phát hành trái phiếu có giá trị từ ba mươi phần trăm (30%) vốn chủ sở hữu trở lên tính tại BCTC năm gần nhất đã được kiểm toán hoặc BCTC bán niên gần nhất được soát xét; quyết định phát hành trái phiếu chuyển đổi; Trường hợp tổng giá trị các khoản vay của Tổng công ty đạt từ 30% vốn chủ sở hữu trở lên tính tại BCTC năm gần nhất đã được kiểm toán hoặc BCTC bán niên gần nhất được soát xét, Tổng công ty công bố thông tin về các quyết định vay thêm hoặc phát hành thêm trái phiếu có giá trị từ 10% vốn chủ sở hữu trở lên tại BCTC năm gần nhất đã kiểm toán hoặc BCTC bán niên gần nhất được soát xét;

q. Công ty nhận được thông báo của Tòa án thụ lý đơn yêu cầu mở thủ tục phá sản doanh nghiệp;

r. Khi xảy ra các sự kiện có ảnh hưởng lớn đến hoạt động sản xuất kinh doanh hoặc tình hình quản trị của Tổng công ty;

s. Vốn góp của chủ sở hữu bị giảm từ 10% trở lên hoặc tổng tài sản bị giảm từ 10% trở lên tại BCTC năm gần nhất đã được kiểm toán hoặc BCTC bán niên gần nhất được soát xét;

t. Quyết định tăng, giảm vốn điều lệ; quyết định góp vốn đầu tư vào một tổ chức, dự án, vay, cho vay hoặc các giao dịch khác với giá trị từ 10% trở lên trên tổng tài sản của Tổng công ty tại BCTC năm gần nhất được kiểm toán hoặc BCTC bán niên gần nhất được soát xét; quyết định góp vốn có giá trị từ 50% trở lên vốn điều lệ của một tổ chức (xác định theo vốn điều lệ của tổ chức nhận vốn góp trước thời điểm góp vốn); quyết định mua, bán tài sản có giá trị từ 15% trở lên trên tổng tài sản của Tổng công ty tính tại BCTC năm gần nhất được kiểm toán hoặc BCTC bán niên gần nhất được soát xét.

u. Khi được chấp thuận hoặc bị hủy bỏ niêm yết tại SGDCK nước ngoài.

v. Công bố thông tin về ĐHĐCĐ bất thường hoặc thông qua nghị quyết ĐHĐCĐ dưới hình thức lấy ý kiến bằng văn bản:

- Việc công bố thông tin về ĐHĐCĐ bất thường được thực hiện như quy định về ĐHĐCĐ thường niên;
- Trường hợp lấy ý kiến ĐHĐCĐ bằng văn bản, chậm nhất 15 ngày trước thời hạn phải gửi lại phiếu lấy ý kiến, Tổng công ty phải công bố trên trang thông tin điện tử của Tổng công ty, đồng thời gửi cho tất cả các cổ đông phiếu lấy ý kiến, dự thảo nghị quyết Đại hội đồng cổ đông và các tài liệu liên quan.

w. Công bố thông tin liên quan đến ngày đăng ký cuối cùng thực hiện quyền cho cổ đông hiện hữu: Tổng công ty báo cáo và nộp đầy đủ các tài liệu là căn cứ pháp lý liên quan đến ngày đăng ký cuối cùng dự kiến thực hiện quyền cho cổ đông hiện hữu cho VSD, UBCKNN, SGDCK, đồng thời công bố thông tin ***chậm nhất 20 ngày*** trước ngày đăng ký cuối cùng (dự kiến).

Trường hợp Tổng công ty hủy Thông báo về ngày đăng ký cuối cùng thực hiện quyền liên quan đến tỷ lệ thực hiện, các trường hợp phát hành cổ phiếu cho cổ đông hiện hữu và các trường hợp liên quan đến việc điều chỉnh giá tham chiếu tại ngày giao dịch không hưởng quyền theo quy định của SGDCK, Tổng công ty phải thông báo bằng văn bản nêu rõ lý do trong vòng 24 giờ kể từ khi ra thông báo nhưng chậm nhất 05 ngày làm việc trước ngày đăng ký cuối cùng, đồng thời công bố thông tin về việc hủy nội dung

thông báo.

3. Công bố thông tin trong các trường hợp đặc biệt khác:

- Sau khi thay đổi kỳ kế toán, Tổng công ty công bố BCTC khi thay đổi kỳ kế toán đã được kiểm toán theo quy định pháp luật về kế toán doanh nghiệp trong thời hạn 10 ngày, kể từ ngày tổ chức kiểm toán ký BCTC;
- Sau khi hoàn tất việc chuyển đổi hình thức sở hữu doanh nghiệp (***Mẫu 14***), Tổng công ty công bố BCTC sau khi chuyển đổi hình thức sở hữu doanh nghiệp đã được kiểm toán theo quy định của pháp luật về kế toán doanh nghiệp trong thời hạn 10 ngày, kể từ ngày tổ chức kiểm toán ký BCTC;
- Sau khi chia, tách, sáp nhập, Tổng công ty là doanh nghiệp bị chia, bị tách hoặc bị sáp nhập công bố BCTC khi chia tách, sáp nhập doanh nghiệp đã được kiểm toán theo quy định của pháp luật kế toán trong thời hạn 10 ngày, kể từ ngày tổ chức kiểm toán ký BCTC.
- Tổng công ty phải công bố thông tin về các sự kiện quy định tại khoản 1, khoản 2 và khoản 3 Điều này trên trang thông tin điện tử của Tổng công ty và trên các phương tiện công bố thông tin của UBCKNN, SGDCK.

Điều 15. Công bố thông tin theo yêu cầu

Tổng công ty phải công bố thông tin trong thời hạn hai mươi bốn (24) giờ, kể từ khi nhận được yêu cầu của UBCKNN, SGDCK khi phát sinh một trong các sự kiện sau đây:

- Khi xảy ra sự kiện ảnh hưởng nghiêm trọng đến lợi ích hợp pháp của cổ đông/nhà đầu tư;
- Có thông tin liên quan đến Tổng công ty làm ảnh hưởng lớn đến giá cổ phiếu Tổng công ty và cần phải xác nhận thông tin đó.

Tổng công ty phải công bố thông tin theo yêu cầu trên trang thông tin điện tử của Tổng công ty, phương tiện thông tin đại chúng và phương tiện công bố thông tin của UBCKNN, SGDCK. Nội dung công bố thông tin phải nêu rõ sự kiện được UBCKNN, SGDCK yêu cầu công bố; nguyên nhân và đánh giá của Tổng công ty về tính xác thực của sự kiện đó, giải pháp khắc phục (nếu có).

Điều 16. Công bố thông tin liên quan đến việc phát hành trái phiếu

a. Tổng công ty khi phát hành trái phiếu ra công chúng phải tuân thủ quy định về công bố thông tin theo quy định của pháp luật về chào bán trái phiếu ra công chúng.

b. Trường hợp Tổng công ty chào bán trái phiếu ra công chúng để huy động vốn cho dự án đầu tư, định kỳ sáu (06) tháng kể từ ngày kết thúc đợt chào bán, Tổng công ty phải báo cáo UBCKNN, SGDCK và công bố thông tin trên trang thông tin điện tử của Tổng công ty và trên các phương tiện công bố thông tin của UBCKNN, SGDCK về tiến độ sử dụng vốn thu được từ đợt chào bán. Trường hợp thay đổi mục đích sử dụng vốn, Tổng công ty phải công bố thông tin về lý do và Nghị quyết/Quyết định của HĐQT/ĐHĐCĐ về sự thay đổi đó.

c. Tổng công ty thực hiện báo cáo và công bố thông tin trên cho đến khi giải ngân hết số vốn huy động được từ đợt chào bán trái phiếu ra công chúng.

Mục 2 - Nội dung công bố thông tin của các đối tượng khác

Điều 17. Công bố thông tin về sở hữu cổ phiếu của cổ đông lớn

Người thực hiện công bố thông tin/Người được ủy quyền công bố thông tin phải công bố trên trang thông tin điện tử của Tổng công ty trong vòng 03 ngày làm việc sau khi nhận được báo cáo liên quan đến sự thay đổi tỷ lệ sở hữu cổ phiếu cổ đông lớn.

Điều 18. Công bố thông tin về giao dịch của Người nội bộ Tổng công ty và Người có liên quan của Người nội bộ

1. Trước ngày thực hiện giao dịch tối thiểu là 03 ngày làm việc (giao dịch cổ phiếu/quyền mua cổ phiếu/trái phiếu), Người nội bộ Tổng công ty và Người có liên quan của Người nội bộ phải công bố thông tin và báo cáo Ủy ban Chứng khoán Nhà nước, Sở giao dịch chứng khoán và Tổng công ty (kể cả trường hợp chuyển nhượng không thông qua hệ thống giao dịch tại Sở giao dịch chứng khoán như các giao dịch cho hoặc được cho, tặng hoặc được tặng, thừa kế, chuyển nhượng hoặc nhận chuyển nhượng cổ phiếu...) theo ***Mẫu - 5*** hoặc ***Mẫu - 06.*** Thời hạn thực hiện giao dịch không được quá 30 ngày, kể từ ngày đăng ký thực hiện giao dịch và chỉ được bắt đầu tiến hành phiên giao dịch đầu tiên sau 24 giờ kể từ khi có công bố thông tin từ Sở giao dịch chứng khoán.
2. Người nội bộ của Tổng công ty và Người có liên quan của Người nội bộ không được đồng thời đăng ký mua và bán cổ phiếu, quyền mua cổ phiếu của Tổng công ty trong cùng một đợt đăng ký và phải thực hiện giao dịch theo đúng thời gian và khối lượng đã đăng ký.
3. Trong thời hạn 03 ngày làm việc, kể từ ngày hoàn tất giao dịch (giao dịch cổ phiếu/quyền mua cổ phiếu/trái phiếu) (trường hợp giao dịch kết thúc trước thời hạn đăng ký) hoặc kết thúc thời hạn dự kiến giao dịch, Người nội bộ của Tổng công ty và Người có liên quan của Người nội bộ phải báo cáo Ủy ban Chứng khoán Nhà nước, Sở giao dịch chứng khoán về kết quả giao dịch đồng thời giải trình nguyên nhân không thực hiện được giao dịch hoặc không thực hiện hết khối lượng đăng ký (nếu có) theo ***Mẫu-07*** hoặc ***Mẫu-08.***
4. Người nội bộ và Người có liên quan của Người nội bộ chỉ được đăng ký và thực hiện giao dịch tiếp theo khi đã báo cáo kết thúc đợt giao dịch trước đó.
5. Trường hợp sau khi đăng ký giao dịch, đối tượng đăng ký giao dịch không còn là Người nội bộ của Tổng công ty hoặc Người có liên quan của Người nội bộ, đối tượng đăng ký giao dịch vẫn phải thực hiện việc báo cáo và công bố thông tin theo quy định tại khoản 1, 2, 3 Điều này.
6. Trường hợp Người nội bộ của Tổng công ty và Người có liên quan của Người nội bộ đồng thời là cổ đông lớn thì chỉ phải thực hiện nghĩa vụ công bố thông tin áp dụng đối với Người nội bộ và Người có liên quan.
7. Trường hợp Công ty mẹ của Tổng công ty hoặc tổ chức chính trị - xã hội của Tổng công ty (công đoàn, đoàn thanh niên...) thực hiện giao dịch cổ phiếu, quyền mua cổ phiếu, trái phiếu chuyển đổi của Tổng công ty phải thực hiện nghĩa vụ công bố thông tin như quy định đối với Người nội bộ tại khoản 1, 2, 3 Điều này.
8. Trong vòng ba (03) ngày làm việc sau khi nhận được các báo cáo liên quan đến giao dịch cổ phiếu của Người nội bộ và Người có liên quan của Người nội bộ theo quy

định tại Điều này, Người thực hiện công bố thông tin/Người ủy quyền công bố thông tin phải công bố trên trang thông tin điện tử của Tổng công ty.

Điều 19. Công bố thông tin về giao dịch chào mua công khai

1. Tổ chức, cá nhân chào mua công khai cổ phiếu của Tổng công ty phải gửi tài liệu đăng ký chào mua đến UBCKNN và Tổng công ty.
2. Trong thời hạn ba (03) ngày kể từ ngày nhận được tài liệu đăng ký chào mua, Tổng công ty có nghĩa vụ công bố thông tin về việc nhận được đề nghị chào mua trên trang thông tin điện tử của Tổng công ty và trên hệ thống của SGDCK nơi Tổng công ty có chứng khoán niêm yết.
3. Trong thời hạn mười (10) ngày kể từ ngày nhận được tài liệu đăng ký chào mua, Tổng công ty phải gửi UBCKNN và thông tin cho cổ đông hoặc nhà đầu tư biết ý kiến của HĐQT đối với đề nghị chào mua công khai. Tài liệu gửi UBCKNN phải được thể hiện dưới hình thức văn bản và dữ liệu điện tử theo quy định của UBCKNN. Ý kiến của HĐQT Tổng công ty phải được thể hiện bằng văn bản, có chữ ký của đa số Ủy viên HĐQT và phải nêu rõ đánh giá của HĐQT đối với việc chào mua cổ phiếu. Trường hợp có ý kiến Ủy viên HĐQT khác với đánh giá của HĐQT, Tổng công ty phải công bố kèm theo ý kiến này.
4. Trong trường hợp tăng giá chào mua, bên chào mua phải công bố việc tăng giá ít nhất bảy (07) ngày trước khi kết thúc đợt chào mua và phải đảm bảo giá tăng thêm được áp dụng đối với tất cả các cổ đông của Tổng công ty kể cả các cổ đông đã chấp nhận bán cho bên chào mua.
5. Trong trường hợp rút lại đề nghị chào mua, bên chào mua phải báo cáo UBCKNN việc rút lại đó và phải công bố công khai việc rút lại đề nghị chào mua trên một (01) trang báo điện tử hoặc một (01) tờ báo viết trong ba (03) số liên tiếp sau khi được UBCKNN chấp thuận.
6. Trong thời hạn bảy (07) ngày kể từ ngày nhận được ý kiến của UBCKNN về đề nghị chào mua, bên chào mua phải công bố công khai việc chào mua trên một (01) trang báo điện tử hoặc một (01) tờ báo viết trong ba (03) số liên tiếp. Việc chào mua công khai chỉ được thực hiện sau khi UBCKNN có văn bản chấp thuận đăng ký chào mua và đã được tổ chức, cá nhân chào mua công bố theo phương thức nêu trên.
7. Tổ chức, cá nhân thực hiện chào mua công khai phải thông báo cho UBCKNN về việc tiếp tục chào mua công khai trong thời hạn năm (05) ngày làm việc kể từ ngày kết thúc đợt chào mua công khai, đồng thời công bố thông tin về việc tiếp tục chào mua theo quy định của Luật chứng khoán.
8. Trong thời hạn năm (05) ngày kể từ ngày hoàn thành đợt chào mua công khai, tổ chức hoặc cá nhân thực hiện chào mua công khai phải gửi UBCKNN báo cáo kết quả chào mua công khai, đồng thời công bố thông tin về kết quả chào mua công khai trên trang thông tin của SGDCK.

Điều 20. Công bố thông tin về giao dịch cổ phiếu quỹ

1. Việc công bố thông tin về giao dịch cổ phiếu quỹ được thực hiện theo quy định của Luật Chứng khoán và văn bản hướng dẫn.
2. Trường hợp Tổng công ty mua lại cổ phiếu của chính mình, sau khi thanh toán hết số cổ phiếu mua lại, nếu tổng giá trị tài sản được ghi trong sổ kế toán giảm hơn 10% thì Tổng công ty phải thông báo cho tất cả các chủ nợ biết và công bố thông tin trong

thời hạn 15 ngày, kể từ ngày hoàn tất nghĩa vụ thanh toán việc mua lại cổ phiếu.

CHƯƠNG IV
QUY TRÌNH XỬ LÝ, CÔNG BỐ VÀ LƯU GIỮ THÔNG TIN

Điều 21. Chuẩn bị nội dung công bố thông tin

1. Bộ phận đầu mối tổng hợp thông tin công bố của Tổng công ty là Người thực hiện công bố thông tin/Người được ủy quyền công bố thông tin trên cơ sở cung cấp thông tin của các Ban/Văn phòng/tổ chức/cá nhân có liên quan;
2. Vào thời điểm kết thúc Quý, 6 tháng và năm tài chính hoặc khi phát sinh các sự kiện phải công bố theo quy định tại Chương III Quy chế này các Ban/Văn phòng/tổ chức cá nhân có liên quan căn cứ chức năng nhiệm vụ, chuẩn bị các nội dung cần công bố (định kỳ, bất thường, công bố thông tin theo yêu cầu…) gửi Người thực hiện công bố thông tin/Người được ủy quyền công bố thông tin.
3. Các Ban/Văn phòng/tổ chức/cá nhân có liên quan phải chuyển các thông tin cần công bố theo quy định tại Quy chế này đến Người thực hiện công bố thông tin/Người được ủy quyền công bố thông tin chậm nhất năm (05) ngày trước thời hạn mà Tổng công ty phải công bố (đối với các thông tin công bố định kỳ) và thông báo/gửi thông tin ngay sau khi có sự kiện phát sinh đối với những thông tin bất thường/24 giờ, đảm bảo về mặt thời gian để Người thực hiện công bố thông tin/Người được ủy quyền công bố thông tin trong vòng 24 giờ theo quy định. Đối với các thông tin theo yêu cầu thì thời hạn sẽ được thông báo cụ thể.
4. Thông tin cung cấp của các Ban/Văn phòng/tổ chức/cá nhân có liên quan phải được lập thành văn bản theo đúng mẫu (nếu có) và có ký xác nhận nội dung của thông tin cung cấp. Các Ban/Văn phòng/tổ chức/cá nhân có liên quan phải chịu trách nhiệm về thông tin cung cấp cho Người thực hiện công bố thông tin/Người được ủy quyền công bố thông tin.
5. Trách nhiệm của các Ban/Văn phòng/tổ chức/cá nhân có liên quan về cung cấp thông tin được thực hiện theo quy định tại ***Phụ lục*** đính kèm Quy chế này.

Điều 22. Xử lý thông tin

1. Khi nhận được thông tin do các Ban/Văn phòng/tổ chức/cá nhân có liên quan cung cấp, Người thực hiện công bố thông tin/Người ủy quyền công bố thông tin phải kiểm tra nội dung thông tin, đối chiếu với các quy định định về công bố thông tin và dự thảo văn bản công bố thông tin theo mẫu (nếu có) để công bố thông tin theo quy định.
2. Đối với những thông tin có ảnh hưởng đến hoạt động sản xuất kinh doanh hoặc ảnh hưởng đến giá cổ phiếu của Tổng công ty trên thị trường chứng khoán… Người thực hiện công bố thông tin/Người được ủy quyền công bố thông tin phải trình HĐQT hoặc TGĐ phê duyệt trước khi thực hiện công bố thông tin.

Điều 23. Công bố thông tin

Người thực hiện công bố thông tin/Người được ủy quyền công bố thông tin có trách nhiệm công bố thông tin đến UBCKNN, SGDCK, VSD, trang thông tin điện tử của Tổng công tytheo quy định và chịu trách nhiệm về thông tin công bố.

Điều 24. Lập hồ sơ lưu giữ thông tin

1. Các Ban/Văn phòng/tổ chức/cá nhân có liên quan khi cung cấp thông tin phải lập hồ sơ lưu giữ tại đơn vị mình theo quy định liên quan đến công tác văn thư, lưu trữ.
2. Người công bố thông tin/Người được ủy quyền công bố thông tin phải lập hồ sơ và lưu giữ toàn bộ các văn bản công bố thông tin (bản sao) theo quy định của pháp luật và Quy chế này.

CHƯƠNG V
TỔ CHỨC THỰC HIỆN

Điều 25. Xử lý vi phạm về công bố thông tin

Ban/Văn phòng/tổ chức/cá nhân có liên quan có hành vi vi phạm quy định của pháp luật và của Tổng công ty về công bố thông tin liên quan đến Tổng công ty thì tùy theo tính chất, mức độ sẽ bị xử lý theo quy định; nếu gây thiệt hại cho Tổng công ty thì phải bồi thường theo quy định.

Điều 26. Sửa đổi, bổ sung

1. Việc sửa đổi, bổ sung Quy chế này do HĐQT Tổng công ty xem xét, quyết định trên cơ sở đề xuất, kiến nghị của TGĐ PVChem, Người thực hiện công bố thông tin/Người được ủy quyền công bố thông tin.
2. Trong trường hợp có những quy định của pháp luật có liên quan đến hoạt động công bố thông tin của Tổng công ty chưa được đề cập trong Quy chế này hoặc có những quy định của pháp luật khác với những quy định trong Quy chế này thì những quy định đó của pháp luật đương nhiên được áp dụng và sẽ điều chỉnh hoạt động công bố thông tin của Tổng công ty.

Điều 27. Hiệu lực thi hành

1. Quy chế này gồm 5 chương, 27 Điều. Quy chế này có hiệu lực thi hành kể từ ngày ký ban hành và thay thế Quy định công bố thông tin ban hành kèm theo Quyết định số 1193/QĐ-DMC ngày 13/6/2014 của HĐQT DMC (nay là HĐQT PVChem).
2. Các đối tượng thuộc phạm vi điều chỉnh và áp dụng Quy chế này có trách nhiệm thực hiện quy định tại Quy chế này.

PHỤ LỤC

TRÁCH NHIỆM CỦA CÁC BAN/VP TỔ CHỨC/CÁ NHÂN CÓ LIÊN QUAN TRONG CUNG CẤP THÔNG TIN

(Ban hành kèm theo Quyết định số 616/QĐ-PVChem ngày 23 tháng 4 năm 2020 của Hội đồng quản trị PVChem)

TT	NỘI DUNG	ĐƠN VỊ ĐẦU MỐI	ĐƠN VỊ PHỐI HỢP	THỜI HẠN CUNG CẤP THÔNG TIN	NGÀY CÔNG BỐ	PHƯƠNG TIỆN CÔNG BỐ	GHI CHÚ
I.	**Thông tin định kỳ**						
1	Báo cáo tình hình quản trị Tổng công ty/báo cáo cổ đông lớn/bảng cung cấp thông tin về quản trị Tổng công ty năm	Thư ký HĐQT	BKS, Người nội bộvà Người có liên quan của Người nội bộ	5 ngày trước ngày công bố	30/1	UBCKNN, SGDCK, website Tổng công ty	Mẫu 04
2	Báo cáo tình hình quản trị Tổng công ty/báo cáo cổ đông lớn/bảng cung cấp thông tin về quản trị Tổng công ty 6 tháng đầu năm	Thư ký HĐQT	BKS, Người nội bộvà Người có liên quan của Người nội bộ	5 ngày trước ngày công bố	25/7	UBCKNN, SGDCK, website Tổng công ty	Mẫu 04
3	Báo cáo thường niên	Văn phòng	TCKT, KHĐT, TCNL, BKS	5 ngày trước ngày công bố	20 ngày sau ngày công bố BCTC nhưng không vượt quá 120 ngày kể từ khi kết thúc năm tài chính	UBCKNN, SGDCK, website Tổng công ty	Mẫu 03
4	BCTC năm đã được kiểm toán	TCKT		5 ngày trước ngày công bố	10 ngày kể từ ngày tổ chức kiểm toán ký BCTC nhưng không vượt quá 90 ngày kể từ ngày kết thức năm tài chính (100 ngày nếu được UBCKNN gia hạn)	UBCKNN, SGDCK, website Tổng công ty	
5	BCTC bán niên được soát xét	TCKT		5 ngày trước ngày công bố	05 ngày, kể từ ngày tổ chức kiểm toán ký báo cáo soát xét nhưng không được vượt quá 45 ngày kể từ khi kết thúc 6		

					tháng (60 ngày nếu được UBCKNN gia hạn)		
6	BCTC Quý	TCKT		5 ngày trước ngày công bố	20 ngày kể từ ngày kết thúc Quý(30 ngày nếu được UBCKNN gia hạn)		
7	Công văn xin UBCKNN gia hạn công bố thông tin BCTC	TCKT		5 ngày trước ngày công bố	Trước 10/1 của năm tài chính		
8	Công bố thông tin liên quan đến ngày đăng ký cuối cùng thực hiện quyền cho cổ đông hiện hữu (tham dự ĐHCĐ thường niên/bất thường/lấy ý kiến bằng văn bản/nhận cổ tức….) kèm theo các tài liệu liên quan	Thư ký HĐQT	Các Ban/Văn phòng liên quan	Ngay sau khi Chủ tịch HĐQT/TGĐ ký thông báo chốt danh sách	20 ngày trước ngày chốt	UBCKNN, SGDCK, website Tổng công ty, VSD	
9	Thông báo họp ĐHĐCĐ thường niên/bất thường/lấy ý kiến cổ đông bằng văn bản và các tài liệu kèm theo theo quy định	Thư ký HĐQT	Các Ban/Văn phòng liên quan	Ngay sau khi Chủ tịch HĐQT ký Thông báo	15 ngày trước ngày họp/gửi phiếu lấy ý kiến	UBCKNN, SGDCK, website Tổng công ty	
10	Báo cáo tiến độ sử dụng vốn thu được từ đợt chào bán cổ phiếu tăng vốn điều lệ	TCKT	Các Ban/Văn phòng liên quan	3 ngày trước ngày công bố	6 tháng/lần kể từ ngày kết thúc đợt chào bán cho đến khi giải ngân hết số tiền thu được	UBCKNN, SGDCK, website Tổng công ty	
11	Công bố thông tin về danh sách cổ đông lớn	Văn phòng		3 ngày trước ngày công bố	30/7 đối với báo cáo 6 tháng và 30/1 của năm tiếp theo đối với báo cáo năm		Mẫu 9 (kèm theo Báo cáo quản trị Tổng công ty
12	Công bố Danh sách Người nội bộ và Người có liên quan của Người nội bộ	Văn phòng		3 ngày trước ngày công bố	30/7 đối với báo cáo 6 tháng và 30/1 của năm tiếp theo đối với báo cáo năm		Mẫu - 11 (kèm theo Báo cáo quản trị Tổng công ty)

13	Bảng cung cấp thông tin về quản trị công ty	Văn phòng	Ban/Văn phòng liên quan	3 ngày trước ngày công bố	30/7 đối với báo cáo 6 tháng và 30/1 của năm tiếp theo đối với báo cáo năm		Mẫu - 17 (kèm theo Báo cáo quản trị Tổng công ty)
II.	**Công bố thông tin bất thường/24 giờ (Mẫu - 16)**						
1	Biên bản họp/Biên bản kiểm phiếu và Nghị quyết ĐHĐCĐ thường niên/bất thường/lấy ý kiến bằng văn bản	Thư ký HĐQT	Ban/Văn phòng liên quan	Ngay sau khi Chủ tịch HĐQT ký BB và NQ ĐHĐCĐ	Trong vòng 24 giờ kể từ khi ban hành BB, NQ ĐHĐCĐ	UBCKNN, SGDCK, website Tổng công ty	
2	Công bố hoãn/lùi và công bố về chương trình và thời điểm dự kiến tổ chức họp ĐHĐCĐ kế tiếp (trường hợp không tổ chức thành công họp Đại hội đồng cổ đông thường niên lần đầu theo kế hoạch)	Thư ký HĐQT	Ban/Văn phòng liên quan	Ngay sau khi ban hành quyết định kế hoạch tổ chức họp ĐHĐCĐ thường niên lần kế tiếp	Trong vòng 24 giờ kể từ khi ban hành quyết định về tổ chức ĐHĐCĐ thường niên lần kế tiếp	UBCKNN, SGDCK, website Tổng công ty	
3	Tài khoản của Tổng công ty tại ngân hàng bị phong tỏa hoặc được phép hoạt động trở lại sau khi bị phong tỏa	TCKT	Ban/Văn phòng liên quan	Ngay sau khi xảy ra sự kiện	Trong vòng 24 giờ kể từ khi xảy ra sự kiện	UBCKNN, SGDCK, website Tổng công ty	
4	Quyết định mua hoặc bán cổ phiếu quỹ	TCKT	Ban/Văn phòng liên quan	Ngay sau khi xảy ra sự kiện	Trong vòng 24 giờ kể từ khi xảy ra sự kiện	UBCKNN, SGDCK, website Tổng công ty	
5	Quyết định chào bán chứng khoán ra nước ngoài và các quyết định liên quan đến việc chào bán chứng khoán theo quy định pháp luật	TCKT	Ban/Văn phòng liên quan	Ngay sau khi xảy ra sự kiện	Trong vòng 24 giờ kể từ khi xảy ra sự kiện	UBCKNN, SGDCK, website Tổng công ty	
6	Quyết định về mức cổ tức, hình thức trả cổ tức, thời gian trả cổ tức; quyết định tách, gộp cổ phiếu; phát hành cổ phiếu thưởng	TCKT	Ban/Văn phòng liên quan	Ngay sau khi xảy ra sự kiện	Trong vòng 24 giờ kể từ khi xảy ra sự kiện	UBCKNN, SGDCK, website Tổng công ty	

7	Quyết định (kèm Biên bản họp và Biên bản kiểm phiếu) thay đổi kỳ kế toán, chính sách kế toán áp dụng; thông báo doanh nghiệp kiểm toán đã ký hợp đồng kiểm toán BCTC năm hoặc thay đổi doanh nghiệp kiểm toán (sau khi đã ký hợp đồng); doanh nghiệp kiểm toán từ chối kiểm toán báo cáo tài chính của Tổng công ty; kết quả điều chỉnh hồi tố báo cáo tài chính (nếu có); ý kiến không phải là ý kiến chấp nhận toàn phần của kiểm toán viên đối với báo cáo tài chính	TCKT	Ban/Văn phòng liên quan	Ngay sau khi xảy ra sự kiện	Trong vòng 24 giờ kể từ khi xảy ra sự kiện	UBCKNN, SGDCK, website Tổng công ty	
8	Kết luận của cơ quan thuế về việc vi phạm pháp luật về thuế của Tổng công ty	TCKT	Ban/Văn phòng liên quan	Ngay sau khi xảy ra sự kiện	Trong vòng 24 giờ kể từ khi xảy ra sự kiện	UBCKNN, SGDCK, website Tổng công ty	
9	Quyết định vay hoặc phát hành trái phiếu dẫn đến tổng giá trị các khoản vay của Tổng công ty có giá trị từ 30% vốn chủ sở hữu trở lên tính tại BCTC năm gần nhất đã được kiểm toán hoặc BCTC bán niên gần nhất được soát xét	TCKT	Ban/Văn phòng liên quan	Ngay sau khi xảy ra sự kiện	Trong vòng 24 giờ kể từ khi xảy ra sự kiện	UBCKNN, SGDCK, website Tổng công ty	
10	Trường hợp tổng giá trị các khoản vay của Tổng công ty đạt từ 30% vốn chủ sở hữu trở lên tính tại BCTC năm gần nhất đã được kiểm toán hoặc BCTC bán niên gần nhất được soát xét, các quyết định vay thêm hoặc phát hành thêm trái phiếu có giá trị từ 10% vốn chủ sở hữu trở lên theo	TCKT	Ban/Văn phòng liên quan	Ngay sau khi xảy ra sự kiện	Trong vòng 24 giờ kể từ khi xảy ra sự kiện	UBCKNN, SGDCK, website Tổng công ty	

	BCTC năm gần nhất đã kiểm toán hoặc BCTC bán niên gần nhất được soát xét						
11	Quyết định phát hành cổ phiếu ưu đãi	TCKT	Ban/Văn phòng liên quan	Ngay sau khi xảy ra sự kiện	Trong vòng 24 giờ kể từ khi xảy ra sự kiện	UBCKNN, SGDCK, website Tổng công ty	
12	Khi có sự thay đổi số cổ phiếu có quyền biểu quyết đang lưu hành do phát hành thêm, mua bán cổ phiếu quỹ	TCKT	Ban/Văn phòng liên quan	Ngay sau khi xảy ra sự kiện	Trong vòng 24 giờ kể từ khi xảy ra sự kiện	UBCKNN, SGDCK, website Tổng công ty	Mẫu 15
13	Vốn góp của chủ sở hữu bị giảm từ 10% trở lên hoặc tổng tài sản bị giảm từ 10% trở lên tại BCTC năm gần nhất đã được kiểm toán hoặc BCTC bán niên gần nhất được soát xét	TCKT	Ban/Văn phòng liên quan	Ngay sau khi xảy ra sự kiện	Trong vòng 24 giờ kể từ khi xảy ra sự kiện	UBCKNN, SGDCK, website Tổng công ty	
14	Quyết định tăng, giảm vốn điều lệ; quyết định góp vốn đầu tư vào một tổ chức, dự án, vay, cho vay hoặc các giao dịch khác với giá trị từ 10% trở lên trên tổng tài sản của Tổng công ty tại BCTC năm gần nhất được kiểm toán hoặc BCTC bán niên gần nhất được soát xét; quyết định góp vốn có giá trị từ 50% trở lên vốn điều lệ của một tổ chức (xác định theo vốn điều lệ của tổ chức nhận vốn góp trước thời điểm góp vốn)	TCNL/TCKT KHĐT	Ban/Văn phòng liên quan	Ngay sau khi xảy ra sự kiện	Trong vòng 24 giờ kể từ khi xảy ra sự kiện	UBCKNN, SGDCK, website Tổng công ty	
15	Quyết định của HĐQT/ĐHĐCĐ về việc mua, bán tài sản có giá trị từ 15% trở lên trên tổng tài sản	TCKT/KHĐT	Ban/Văn phòng liên quan	Ngay sau khi xảy ra sự kiện	Trong vòng 24 giờ kể từ khi xảy ra sự kiện	UBCKNN, SGDCK, website Tổng	

	của Tổng công ty tính tại BCTC năm gần nhất được kiểm toán hoặc BCTC bán niên gần nhất được soát xét.					công ty	
16	Tổng công ty bị đình chỉ hoặc thu hồi Giấy chứng nhận đăng ký doanh/cấp giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp mới	Văn phòng	Ban/Văn phòng liên quan	Ngay sau khi xảy ra sự kiện	Trong vòng 24 giờ kể từ khi xảy ra sự kiện	UBCKNN, SGDCK, website Tổng công ty	Mẫu 13
17	Trường hợp ĐHĐCĐ thông qua việc hủy niêm yết, Tổng công ty phải công bố thông tin về việc hủy niêm yết kèm theo tỷ lệ thông qua của cổ đông không phải là cổ đông lớn	TCNL/Văn phòng	Ban/Văn phòng liên quan	Ngay sau khi xảy ra sự kiện	Trong vòng 24 giờ kể từ khi xảy ra sự kiện	UBCKNN, SGDCK, website Tổng công ty	
18	Tổng công ty nhận được quyết định khởi tố, tạm giam, truy cứu trách nhiệm hình sự đối với Người nội bộcủa Tổng công ty	TCNL	Ban/đơn vị liên quan	Ngay sau khi xảy ra sự kiện	Trong vòng 24 giờ kể từ khi xảy ra sự kiện	UBCKNN, SGDCK, website Tổng công ty	
19	Tổng công ty nhận được thông báo của Tòa án thụ lý đơn yêu cầu mở thủ tục phá sản doanh nghiệp	TCNL	Ban/Văn phòng liên quan	Ngay sau khi xảy ra sự kiện	Trong vòng 24 giờ kể từ khi xảy ra sự kiện	UBCKNN, SGDCK, website Tổng công ty	
20	Quyết định tham gia góp vốn thành lập, mua để tăng sở hữu trong một công ty dẫn đến công ty đó trở thành công ty con, công ty liên doanh, công ty liên kết hoặc bán để giảm sở hữu tại công ty con, công ty liên doanh, công ty liên kết dẫn đến công ty đó không còn là công ty con, công ty liên doanh, công ty liên kết hoặc giải thể công ty con, công ty liên	TCNL/TCKT KHĐT	Ban/Văn phòng liên quan	Ngay sau khi xảy ra sự kiện	Trong vòng 24 giờ kể từ khi xảy ra sự kiện	UBCKNN, SGDCK, website Tổng công ty	

	doanh, công ty liên kết; thành lập mới hoặc đóng cửa trụ sở chính/chi nhánh						
21	Quyết định về việc tổ chức lại Tổng công ty (chia, tách, hợp nhất, sáp nhập doanh nghiệp), giải thể Tổng công ty; sửa đổi, bổ sung Điều lệ Tổng công ty	TCNL	Ban/Văn phòng liên quan	Ngay sau khi xảy ra sự kiện	Trong vòng 24 giờ khi xảy ra sự kiện	UBCKNN, SGDCK, website Tổng công ty	Mẫu 14
22	Thay đổi tên Tổng công ty, thay đổi địa điểm trụ sở chính/thay đổi địa điểm Chi nhánh, thay đổi con dấu của Tổng công ty và thay đổi địa chỉ trang thông tin điện tử của Tổng công ty	Văn phòng	Ban liên quan	Ngay sau khi xảy ra sự kiện	Trong vòng 24 giờ khi xảy ra sự kiện	UBCKNN, SGDCK, website Tổng công ty	
23	Tổng công ty nhận được bản án, quyết định của Tòa án liên quan đến hoạt động của Tổng công ty	TCNL	Ban/Văn phòng liên quan	Ngay sau khi xảy ra sự kiện	Trong vòng 24 giờ khi xảy ra sự kiện	UBCKNN, SGDCK, website Tổng công ty	
24	Khi xảy ra các sự kiện khác có ảnh hưởng lớn đến hoạt động sản xuất, kinh doanh hoặc tình hình quản trị của Tổng công ty	Ban/Văn phòng liên quan		Ngay sau khi xảy ra sự kiện	Trong vòng 24 giờ khi xảy ra sự kiện	UBCKNN, SGDCK, website Tổng công ty	HĐQT/TGĐ thông qua trước khi công bố
25	Tổng công ty được cấp có thẩm quyền chấp thuận hoặc bị hủy bỏ niêm yết tại Sở giao dịch chứng khoán nước ngoài	Văn phòng	Ban liên quan	Ngay sau khi xảy ra sự kiện	Trong vòng 24 giờ khi xảy ra sự kiện	UBCKNN, SGDCK, website Tổng công ty,	
26	Tổng công ty tạm ngừng một phần hoặc toàn bộ hoạt động kinh doanh; bổ sung hoặc rút bớt một hoặc một số ngành nghề đầu tư, kinh doanh	TCNL/KHĐT	Ban/Văn phòng liên quan	Ngay sau khi xảy ra sự kiện	Trong vòng 24 giờ khi xảy ra sự kiện	UBCKNN, SGDCK, website Tổng công ty	

27	Khi có quyết định thay đổi thông tin trong Bản cáo bạch sau khi đã được Ủy ban Chứng khoán Nhà nước cấp Giấy chứng nhận đăng ký chào bán;	Văn phòng/TCNL	Ban liên quan	Ngay sau khi xảy ra sự kiện	Trong vòng 24 giờ khi xảy ra sự kiện	UBCKNN, SGDCK, website Tổng công ty	
28	Quyết định của ĐHĐCĐ/HĐQT thông qua hợp đồng, giao dịch giữa Tổng công ty với Người nội bộ hoặc Người có liên quan của Tổng công ty	KHĐT	Ban/Văn phòng liên quan	Ngay sau khi xảy ra sự kiện	Trong vòng 24 giờ khi xảy ra sự kiện	UBCKNN, SGDCK, website Tổng công ty	
29	Quyết định của ĐHĐCĐ/HĐQT về kế hoạch phát triển trung hạn và kế hoạch sản xuất kinh doanh hàng năm của Tổng công ty;	KHĐT	Ban/Văn phòng liên quan	Ngay sau khi xảy ra sự kiện	Trong vòng 24h khi xảy ra sự kiện	UBCKNN, SGDCK, website Tổng công ty	
30	Thay đổi người thực hiện công bố thông tin/Người được ủy quyền công bố thông tin/bổ nhiệm/thay đổi người phụ trách quản trị Tổng công ty	Văn phòng/TCNL	Ban/Văn phòng/cá nhân liên quan	Ngay sau khi xảy ra sự kiện	Trong vòng 24h khi xảy ra sự kiện	UBCKNN, SGDCK, website Tổng công ty	Mẫu 02 (cung cấp thông tin về Người được ủy quyền CBTT)
31	Thông báo giao dịch cổ phiếu của Người nội bộ và Người có liên quan của người nội bộ	Người nội bộ/Người có liên quan của người nội bộ			Trong vòng 03 ngày làm việc khi nhận được thông báo của Người nội bộ và người có liên quan của người nội bộ	Website Tổng công ty	Mẫu 05
32	Trường hợp Tổng công ty hủy Thông báo về ngày đăng ký cuối cùng thực hiện quyền liên quan đến tỷ lệ thực hiện, các trường hợp phát hành cổ phiếu cho cổ đông hiện hữu và các trường hợp	VP/TCKT/TCNL	Các Ban/Văn phòng liên quan	Ngay sau khi xảy ra sự kiện	Trong vòng 24h khi xảy ra sự kiện nhưng chậm nhất 05 ngày làm việc trước ngày đăng ký cuối cùng		

	liên quan đến việc điều chỉnh giá tham chiếu tại ngày giao dịch không hưởng quyền theo quy định của SGDCK, đồng thời công bố thông tin về việc hủy nội dung thông báo						
33	Tổng công ty thay đổi, bổ nhiệm mới, bổ nhiệm lại, bãi nhiệm Người nội bộ	TCNL	Các Ban/Văn phòng liên quan	Ngay sau khi xảy ra sự kiện	Trong vòng 24h khi xảy ra sự kiện		Mẫu - 10
34	Bản cung cấp thông tin của Người nội bộ mới	Văn phòng	Các Ban/Văn phòng/Người nội bộ	01 ngày trước này công bố	Trong vòng 03 ngày làm việc kể từ ngày công bố thông tin về việc thay đổi, bổ nhiệm mới, bổ nhiệm lại, bãi nhiệm Người nội bộ	UBCKNN, SGDCK	Mẫu - 02
35	Tổng công ty phải công bố thông tin về giới hạn tỷ lệ sở hữu nước ngoài và các thay đổi liên quan đến tỷ lệ sở hữu này	Văn phòng	TCNL	Ngay sau khi xảy ra sự kiện	Trong vòng 24h khi xảy ra sự kiện	UBCKNN, SGDCK, VSD, website Tổng công ty	
36	Quyết định chào bán chứng khoán ra nước ngoài và các quyết định liên quan đến việc chào bán chứng khoán theo quy định	TCNL/TCKT/Văn phòng		Ngay sau khi xảy ra sự kiện	Trong vòng 24h khi xảy ra sự kiện	UBCKNN, SGDCK, VSD, website Tổng công ty	
III.	**Công bố thông tin khác/công bố thông tin theo yêu cầu**						
1	Khi xảy ra sự kiện ảnh hưởng nghiêm trọng đến lợi ích hợp pháp của nhà đầu tư	Văn phòng	Các Ban/Văn phòng/tổ chức/cá nhân liên quan	Ngay sau khi xảy ra sự kiện	Trong vòng 24h khi xảy ra sự kiện	UBCKNN, SGDCK, website Tổng công ty	HĐQT/TGĐ thông qua nội dung trước khi công bố
2	Có thông tin liên quan đến Tổng công ty ảnh hưởng lớn đến giá chứng khoán và cần phải xác nhận	Văn phòng	Các Ban/Văn phòng/tổ chức/cá nhân liên quan	Ngay sau khi xảy ra sự kiện	Trong vòng 24h khi xảy ra sự kiện	UBCKNN, SGDCK, website Tổng	HĐQT/TGĐ thông qua nội dung trước khi

	thông tin đó.					công ty	công bố
3	Công bố thông tin về BCTC sau khi thay đổi kỳ kế toán áp dụng đã được kiểm toán theo quy định pháp luật về kế toán doanh nghiệp	TCKT		03 ngày trước ngày công bố	10 ngày, kể từ ngày tổ chức kiểm toán ký báo cáo kiểm toán	UBCKNN, SGDCK, website Tổng công ty	
4	Công bố thông BCTC sau khi chuyển đổi hình thức sở hữu doanh nghiệp đã được kiểm toán theo quy định của pháp luật kế toán doanh nghiệp	TCKT		03 ngày trước ngày công bố	10 ngày, kể từ ngày tổ chức kiểm toán ký báo cáo kiểm toán	UBCKNN, SGDCK, website Tổng công ty	
5	Công bố thông tin BTCT (sau khi Tổng công ty bị chia tách, bị sáp nhập) đã được kiểm toán theo quy định của pháp luật kế toán,	TCKT		03 ngày trước ngày công bố	10 ngày, kể từ ngày tổ chức kiểm toán ký báo cáo kiểm toán	UBCKNN, SGDCK, website Tổng công ty	
6	Công bố về việc nhận được đề nghị chào mua công khai	TCKT/TCNL	Các Ban/Văn phòng/tổ chức/cá nhân liên quan	01 ngày trước ngày công bố	3 ngày kể từ ngày nhận được tài liệu đăng ký chào mua	UBCKNN, SGDCK, website Tổng công ty,	
7	Ý kiến của HĐQT về đề nghị chào mua công khai	TCKT/TCNL	Các Ban/Văn phòng/tổ chức/cá nhân liên quan	03 ngày trước ngày công bố	10 ngày kể từ ngày nhận được tài liệu đăng ký chào mua	UBCKNN, SGDCK, website Tổng công ty,	
8	Công bố báo cáo sử dụng vốn được kiểm toán xác nhận tại Đại hội đồng cổ đông thường niên hoặc thuyết minh chi tiết việc sử dụng vốn thu được từ đợt chào bán trong báo cáo tài chính năm được kiểm toán xác nhận.	TCKT	Ban/Văn phòng liên quan			Tại ĐHĐCĐ thường niên	
9	Trường hợp Tổng công ty mua lại	TCKT	Ban/Văn phòng liên quan	03 ngày trước ngày	Trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày		

	cổ phiếu của chính mình, sau khi thanh toán hết số cổ phiếu mua lại, nếu tổng giá trị tài sản được ghi trong sổ kế toán giảm hơn 10% thì Tổng công ty phải thông báo cho tất cả các chủ nợ biết và công bố thông tin trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày hoàn tất nghĩa vụ thanh toán việc mua lại cổ phiếu			công bố	hoàn tất nghĩa vụ thanh toán việc mua lại cổ phiếu		
10	Trường hợp Tổng công ty mua lại cổ phiếu của cán bộ công nhân viên theo chương trình lựa chọn người lao động trong Tổng công ty hoặc mua lại cổ phiếu lẻ của Tổng công ty thông qua công ty chứng khoán	TCNL/TCKT	Ban/Văn phòng liên quan		Tổng công ty công bố thông tin trong vòng 10 ngày đầu tiên của tháng trên cơ sở các giao dịch đã hoàn tất và cập nhật đến ngày công bố thông tin		
11	Tổng công ty có trách nhiệm công bố khối lượng cổ phiếu có quyền biểu quyết đang lưu hành trên trang thông tin điện tử của Tổng công ty và cập nhật dữ liệu trong vòng 24 giờ kể từ khi báo cáo UBCKNN về kết quả phát hành hoặc giao dịch cổ phiếu quỹ hoặc các trường hợp khác dẫn đến thay đổi số lượng cổ phiếu đang lưu hành có quyền biểu quyết	TCKT	Ban/Văn phòng liên quan	Ngay sau khi phát sinh sự kiện	Trong vòng 24 giờ		
12	Thông báo về việc kết thúc nghĩa vụ công bố thông tin đối với Tổng công ty	Văn phòng	Ban/Văn phòng liên quan		Trong vòng 24h khi phát sinh sự kiện		***Mẫu -18*** Khi không còn là công ty đại chúng quy mô lớn

DANH MỤC CÁC BIỂU MẪU CÔNG BỐ THÔNG TIN

(Ban hành kèm theo Quyết định số 616/QĐ-PVChem ngày 23 tháng 4 năm 2020 của Hội đồng quản trị PVChem)

Mẫu 01-Giấy ủy quyền thực hiện công bố thông tin
Mẫu 02-Bản cung cấp thông tin Người nội bộ và Người có liên quan của Người nội bộ
Mẫu 03-Báo cáo thường niên
Mẫu 04-Báo cáo tình hình quản trị Công ty
Mẫu 05-Thông báo giao dịch cổ phiếu của Người nội bộ và Người có liên quan của Người nội bộ
Mẫu 06-Thông báo giao dịch quyền mua cổ phiếu/trái phiếu của Người nội bộ
Mẫu 07-Báo cáo kết quả giao dịch cổ phiếu của Người nội bộ và Người có liên quan của Người nội bộ
Mẫu 08-Báo cáo kết quả giao dịch quyền mua cổ phiếu/trái phiếu của Người nội bộ và Người có liên quan của Người nội bộ
Mẫu 09-Thông báo danh sách cổ đông nhà nước, cổ đông lớn
Mẫu 10-Thông báo thay đổi nhân sự
Mẫu 11-Thông báo danh sách Người nội bộ và người có liên quan
Mẫu 12 - Thông báo thay đổi Người có liên quan của Người nội bộ
Mẫu 13 - Thông báo thay đổi Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp
Mẫu 14 - Thông báo thay đổi mô hình công ty và loại báo cáo tài chính
Mẫu 15 - Thông báo thay đổi số lượng cổ phiếu có quyền biểu quyết đang lưu hành
Mẫu 16- Công bố thông tin bất thường
Mẫu 17 - Bản cung cấp thông tin về quản trị Tổng công ty
Mẫu 18 - Thông báo về việc kết thúc nghĩa vụ công bố thông tin đối với Tổng công ty

MẪU 01
APPENDIX 01
GIẤY ỦY QUYỀN THỰC HIỆN CÔNG BỐ THÔNG TIN
POWER OF ATTORNEY TO DISCLOSE INFORMATION

TỔNG CÔNG TY HÓA CHẤT VÀ DỊCH VỤ DẦU KHÍ-CTCP **PETROVIETNAM CHEMICAL AND SERVICES CORPORATION** ---	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc** ***THE SOCIALIST REPUBLIC OF VIETNAM*** ***Independence - Freedom - Happiness*** ---
Số: *No:*	*....., ngày ... tháng ..... năm .....* *....., month ... day ..... year .....

GIẤY ỦY QUYỀN THỰC HIỆN CÔNG BỐ THÔNG TIN
POWER OF ATTORNEY TO DISCLOSE INFORMATION

Kính gửi: - Ủy ban Chứng khoán Nhà nước
- Sở Giao dịch chứng khoán

To: - *The State Securities Commission*
- *The Stock Exchange*

I. Bên ủy quyền (sau đây gọi là "Bên A") (là tổ chức có nghĩa vụ công bố thông tin)/*Mandator (hereinafter referred to as "Party A" - is a company, organization subject to disclosure information):*

- Tên giao dịch của tổ chức, công ty/ *Trading name of organization, company:* .....

- Tên quỹ đầu tư chứng khoán đại chúng (trường hợp công ty quản lý quỹ đăng ký người được ủy quyền công bố thông tin cho quỹ đại chúng)/*Name of public securities investment fund (in case the fund management company registers authorized person to disclose information for public fund)* .....

- Mã chứng khoán/*Securities code*:

- Địa chỉ liên lạc/*Address*:

- Điện thoại/*Telephone*: ..... Fax: ..... Email: ..... - Website: .....

II. Bên được ủy quyền (sau đây gọi là "Bên B") /*Authorized party (hereinafter referred to as "Party B"):*

- Ông (Bà)/*Mr (Ms/Mrs):*

- Số CMND (hoặc số hộ chiếu)/*ID card No. (or Passport No.):* ..... Ngày cấp/*Date of issue*..... Nơi cấp/*Place of issue*.....

- Địa chỉ thường trú/ *Permanent residence:*

- Chức vụ tại tổ chức, công ty/ *Position in the organization, company:*

III. Nội dung ủy quyền *(Content of authorization):*

- Bên A ủy quyền cho Bên B làm "Người được ủy quyền công bố thông tin" của Bên A/*Party B is appointed as the "Authorized person to disclose information" of Party A.*

- Bên B có trách nhiệm thay mặt Bên A thực hiện nghĩa vụ công bố thông tin đầy đủ, chính xác và kịp thời theo quy định pháp luật.

Party B is responsible on behalf of Party A to perform the disclosure obligations fully, accurately and promptly in accordance with the law.

Giấy ủy quyền này có hiệu lực kể từ ngày/ *This Power of Attorney shall take effect from*..... đến khi có thông báo hủy bỏ bằng văn bản của/ *until a written notice of revocation is submitted by*..... (Tên tổ chức, công ty, công ty quản lý quỹ)/ *(Name of organization, company/ Name of fund management company).*

BÊN A /PARTY A **NGƯỜI ĐẠI DIỆN THEO PHÁP LUẬT/** ***LEGAL REPRESENTATIVE*** *(Ký, ghi rõ họ tên, đóng dấu)* *(Signature, full name and seal)*	**BÊN B /PARTY B** *(Ký, ghi rõ họ tên)* *(Signature, full name)*

Tài liệu đính kèm/*Attachments*:

- Bản cung cấp thông tin người được ủy quyền công bố thông tin theo mẫu tại Phụ lục 3/*Curriculum vitae of the authorized person to disclose information as Appendix 3*

MẪU 02
FORM 02
BẢN CUNG CẤP THÔNG TIN
CIRRICULLUM VITAE

TỔNG CÔNG TY HÓA CHẤT VÀ DỊCH VỤ DẦU KHÍ-CTCP **PETROVIETNAM CHEMICAL AND SERVICES CORPORATION** ----------	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc** ***THE SOCIALIST REPUBLIC OF VIETNAM*** ***Independence - Freedom - Happiness*** ----------

BẢN CUNG CẤP THÔNG TIN/*CIRRICULLUM VITAE*

Kính gửi: - Ủy ban Chứng khoán Nhà nước
- Sở Giao dịch chứng khoán

To: *-The State Securities Commission*
- The Stock Exchange

1/ Họ và tên /*Full name*:

2/ Giới tính/*Sex*:

3/ Ngày tháng năm sinh/*Date of birth*:

4/ Nơi sinh/*Place of birth*:

5/ Số CMND (hoặc số hộ chiếu)/*ID card No. (or Passport No.)*: ..... Ngày cấp/*Date of issue*..... Nơi cấp/*Place of issue* .....

6/ Quốc tịch/*Nationality*: 7/ Dân tộc/*Ethnic*:

8/ Địa chỉ thường trú/*Permanent residence*:

9/ Số điện thoại/*Telephone number*:

10/ Địa chỉ email/*Email*:

11/ Chức vụ hiện nay tại tổ chức là đối tượng công bố thông tin/*Current position in an institution subject to information disclosure Rules:*

12/ Các chức vụ hiện đang nắm giữ tại tổ chức khác/*Positions in others companies:*

13/ Số CP nắm giữ: ....., chiếm .....% vốn điều lệ, trong đó:/*Number of shares in possession..... , accounting for ....% of registered capital, of which:*

+ Đại diện (tên tổ chức là Nhà nước/cổ đông chiến lược/tổ chức khác) sở hữu:/*Possess on behalf of (State/strategic investor/other institution):*

+ Cá nhân sở hữu/ *Possess for own account:*

14/ Các cam kết nắm giữ (nếu có)/*Other commitment of holding shares (if any):*

15/ Danh sách Người có liên quan của người khai*/*List of related persons of declarant:*

STT *No.*	Tên cá nhân/tổ chức/ *Name of individual/ institutional related person*	Số CMND/Hộ chiếu (đối với cá nhân) hoặc Số GCN đăng ký doanh nghiệp, Giấy phép hoạt động hoặc giấy tờ pháp lý tương đương (đối với tổ chức), ngày cấp, nơi cấp/ *Number of ID or Passport (for individual) or Number of Business Registration, License of Operation or equivalent legal documents (for institution), date of issue, place of issue*	Số lượng CP/CCQ nắm giữ, tỷ lệ sở hữu trên vốn điều lệ của công ty đại chúng, quỹ đại chúng (nếu có)/ *Number of shares/fund certificates in possession, ownership rate of registered capital of the public company, public fund (if any)*	Mối quan hệ/ *Relationship*

16/ Lợi ích liên quan đối với công ty đại chúng, quỹ đại chúng (nếu có)/*Related interest with public company, public fund (if any):*

17/ Quyền lợi mâu thuẫn với công ty đại chúng, quỹ đại chúng (nếu có)/ *Conflict interest with public company, public fund (if any):*

Tôi cam đoan những lời khai trên đây là đúng sự thật, nếu sai tôi xin hoàn toàn chịu trách nhiệm trước pháp luật/*I hereby certify that the information provided in this CV is true and correct and I will bear the full responsibility to the law.*

NGƯỜI KHAI /
DECLARANT
(Ký, ghi rõ họ tên)
(Signature, full name)

MẪU 03
FORM 03
BÁO CÁO THƯỜNG NIÊN
ANNUAL REPORT

TỔNG CÔNG TY **HÓA CHẤT VÀ DỊCH VỤ DẦU KHÍ-CTCP** **PETROVIETNAM CHEMICAL AND SERVICES CORPORATION** ---	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc** ***THE SOCIALIST REPUBLIC OF VIETNAM*** ***Independence - Freedom - Happiness*** ---
Số: *No:*	*....., ngày ... tháng ..... năm .....* *....., month ... day ..... year .....*

BÁO CÁO THƯỜNG NIÊN/ANNUAL REPORT
TỔNG CÔNG TY HÓA CHẤT VÀ DỊCH VỤ DẦU KHÍ – CTCP
PETROVIETNAM CHEMICAL AND SERVICES CORPORATION
Năm báo cáo/Year

I. Thông tin chung/ *General information*

1. *Thông tin khái quát/ General information*

- Tên giao dịch/ *Trading name:*
- Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp số/*Certificate of business registration No:*
- Vốn điều lệ/ *Charter capital*:
- Vốn đầu tư của chủ sở hữu/ *Owner's capital:*
- Địa chỉ/*Address*:
- Số điện thoại/*Telephone*:
- Số fax/*Fax*:
- *Website*:
- Mã cổ phiếu (nếu có)/*Securities code (if any)*:

Quá trình hình thành và phát triển/Incorporation and development process

- Quá trình hình thành và phát triển/ *Foundation and development process* (ngày thành lập, thời điểm niêm yết, thời gian các mốc sự kiện quan trọng kể từ khi thành lập đến nay/ *Date of incorporation, time of listing, and development milestones since the establishment until now).*
- Các sự kiện khác/*Other events*

2. Ngành nghề và địa bàn kinh doanh/ Lines and locations of the business:

- Ngành nghề kinh doanh/*Lines of the business*: (Nêu các ngành nghề kinh doanh hoặc sản phẩm, dịch vụ chính chiếm trên 10% tổng doanh thu trong 02 năm gần nhất/ *Specify major lines*

of business or products and services which account for more than 10% of the total revenue in the last 02 years).

- Địa bàn kinh doanh/*Location of business*: (Nêu các địa bàn hoạt động kinh doanh chính, chiếm trên 10% tổng doanh thu trong 02 năm gần nhất/ *Specify major locations of business which account for more than 10% of the total revenue in the last 02 years).*

3. Thông tin về mô hình quản trị, tổ chức kinh doanh và bộ máy quản lý/ Information about governance model, business organization and managerial apparatus

- Mô hình quản trị/ *Governance model.*

- Cơ cấu bộ máy quản lý/ *Managementstructure.*

- Các công ty con, công ty liên kết/ *Subsidiaries, associated companies*: (Nêu danh sách, địa chỉ, lĩnh vực sản xuất kinh doanh chính, vốn điều lệ thực góp, tỷ lệ sở hữu của Công ty tại các công ty con, công ty liên kết/ *(Specify the names, addresses, major fields of production and business, paid-in charter capital, ownership rates of the Company in such subsidiaries, associated companies).*

4. Định hướng phát triển/ Development orientations

- Các mục tiêu chủ yếu của Công ty/ *Main objectives of the Company..*

- Chiến lược phát triển trung và dài hạn/ *Development strategies in medium and long term.*

- Các mục tiêu phát triển bền vững (môi trường, xã hội và cộng đồng) và chương trình chính liên quan đến ngắn hạn và trung hạn của Công ty/*Corporate objectives with regard to Corporate environment, society and community Sustainability.*

5. Các rủi ro/ Risks: (Nêu các rủi ro có thể ảnh hưởng đến hoạt động sản xuất kinh doanh hoặc đối với việc thực hiện các mục tiêu của Công ty, trong đó có rủi ro về môi trường)/ *Specify the risks probably affecting the production and business operations or the realization of the Company's objectives, including environmental risks).*

II. Tình hình hoạt động trong năm/ *Yearly Operations*

1. Tình hình hoạt động sản xuất kinh doanh/ Situation of production and business operations

- Kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh trong năm/ *Results of business operations in the year:* Nêu các kết quả đạt được trong năm. Nêu những thay đổi, biến động lớn về chiến lược kinh doanh, doanh thu, lợi nhuận, chi phí, thị trường, sản phẩm, nguồn cung cấp...vvv./*Specify the results achieved for the year. Specify major changes and movements in business strategy, revenue, profits, costs, markets, products, supplies, etc..*

- Tình hình thực hiện so với kế hoạch/ *Implementation situation/actual progress against the plan:* So sánh kết quả đạt được trong năm so với các chỉ tiêu kế hoạch và các chỉ tiêu năm liền kề. Phân tích cụ thể nguyên nhân dẫn đến việc không đạt/ đạt/vượt các chỉ tiêu so với kế hoạch và so với năm liền kề./*Comparing the actual progress with the targets and the results of the preceding years. Analyzing specific reasons of the unachievement/ achievement/ excess of the targets and against the preceding years.*

2. Tổ chức và nhân sự/Organization and Human resource

- Danh sách Ban điều hành/ *List of the Board of Directors:* (Danh sách, tóm tắt lý lịch và tỷ lệ sở hữu cổ phần có quyền biểu quyết và các chứng khoán khác do công ty phát hành của Tổng

Giám đốc, các Phó Tổng giám đốc, Kế toán trưởng và các cán bộ quản lý khác/ *List, curriculum vitae and ownership percentage in voting shares and other securities issued by the Company of the General Director, Deputy General Directors, Chief Accountant and other managers).*

- Những thay đổi trong ban điều hành/ *Changes in the Board of Management:* (Liệt kê các thay đổi trong Ban điều hành trong năm)/*(List the changes in the Board of Management of the year).*

- Số lượng cán bộ, nhân viên. Tóm tắt chính sách và thay đổi trong chính sách đối với người lao động./*Number of staffs. Summary and changes of the employee policies.*

3. Tình hình đầu tư, tình hình thực hiện các dự án/Investment activities, project implementation

a) Các khoản đầu tư lớn/ *Major investments*: Nêu các khoản đầu tư lớn được thực hiện trong năm (bao gồm các khoản đầu tư tài chính và các khoản đầu tư dự án/), tình hình thực hiện các dự án lớn. Đối với trường hợp công ty đã chào bán chứng khoán để thực hiện các dự án, cần nêu rõ tiến độ thực hiện các dự án này và phân tích nguyên nhân dẫn đến việc đạt/không đạt tiến độ đã công bố và cam kết)/ *Specify major investments implemented for the year (including financial investments and projects investment), the implementation progress of major projects. Incase the Company has conducted public offering for the projects, it is necessary to indicate the progress of implementation of the projects and analyze the reasons incase of achievement/failure to achieve the announced and committed targets.*

b) Các công ty con, công ty liên kết/ *Subsidiaries, associated companies:* (Tóm tắt về hoạt động và tình hình tài chính của các công ty con, công ty liên kết)/ *(Summarizing the operations and financial situation of the subsidiaries, associated companies).*

4. Tình hình tài chính/ Financial situation

a) Tình hình tài chính/ *Financial situation*

Chỉ tiêu/ *Financial Figure*	**Năm/*Year* X - 1**	**Năm/*Year* X**	**% tăng giảm/ % *change***
** Đối với tổ chức không phải là tổ chức tín dụng và tổ chức tài chính phi ngân hàng/ Applicable for organization other than credit institutions and non-bank financial institutions:*			
Tổng giá trị tài sản/*Total asset*			
Doanh thu thuần/*Net revenue*			
Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh/ *Profit from operating activities*			
Lợi nhuận khác/ *Other profits*			
Lợi nhuận trước thuế/ *Profit before tax*			
Lợi nhuận sau thuế/ *Profit after tax*			

Tỷ lệ lợi nhuận trả cổ tức/ *Payout ratio* * *Đối với tổ chức tín dụng và tổ chức tài chính phi ngân hàng/ Applicable to credit institutions and non-bank financial institutions:* Tổng giá trị tài sản/ *Total asset* Doanh thu/ *Revenue* Thuế và các khoản phải nộp/*Taxes and payables* Lợi nhuận trước thuế/ *Before tax profit* Lợi nhuận sau thuế/*After tax profit*			

- Các chỉ tiêu khác/ *other figures*: (tùy theo đặc điểm riêng của ngành, của công ty để làm rõ kết quả hoạt động kinh doanh trong hai năm gần nhất/*depending on the specific characteristics of the industry and of the Company to clarify the company's operating results for the last two years).*

b) Các chỉ tiêu tài chính chủ yếu/Major financial benchmarks:

Chỉ tiêu/ *Benchmarks*	**Năm/*Year* X - 1**	**Năm/*Year* X**	**Ghi chú/*Note***
1. Chỉ tiêu về khả năng thanh toán/ Solvency ratio + Hệ số thanh toán ngắn hạn/*Current ratio:* Tài sản ngắn hạn/Nợ ngắn hạn *(Short term Asset/Short term debt)* + Hệ số thanh toán nhanh/*Quick ratio:* Tài sản ngắn hạn - Hàng tồn kho Nợ ngắn hạn *Short term Asset - Inventories* *Short term Debt*			
2. Chỉ tiêu về cơ cấu vốn/ capital structure Ratio + Hệ số Nợ/Tổng tài sản *(Debt/Total assets ratio)* + Hệ số Nợ/Vốn chủ sở hữu *(Debt/Owners' Equity ratio)*			

3. Chỉ tiêu về năng lực hoạt động/ Operation capability Ratio + Vòng quay hàng tồn kho/ *Inventory turnover:* Giá vốn hàng bán/Hàng tồn kho bình quân *(Cost of goods sold/Average inventory)* Doanh thu thuần/Tổng tài sản *(Net revenue/ Total Assets)*			
4. Chỉ tiêu về khả năng sinh lời/ Target on Profitability + Hệ số Lợi nhuận sau thuế/Doanh thu thuần *(profit after tax/ Net revenue Ratio)* + Hệ số Lợi nhuận sau thuế/Vốn chủ sở hữu *(profit after tax/ total capital Ratio)* + Hệ số Lợi nhuận sau thuế/Tổng tài sản *(profit after tax/ Total assets Ratio)* + Hệ số Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh/Doanh thu thuần *(Operating profit/ Net revenue Ratio)*			

Đối với tổ chức tín dụng và tổ chức tài chính phi ngân hàng/*For credit institutions and non-bank financial institutions:*

Chỉ tiêu/*Figures*	**Năm/*Year* X-1**	**Năm/*Year* X**	**Ghi chú/*Note***
1. Quy mô vốn/ Capital scale			
- Vốn điều lệ/ *Charter Capital*			
- Tổng tài sản có/ *Total assets*			
- Tỷ lệ an toàn vốn/*Capital adequacy ratio*			
2. Kết quả hoạt động kinh doanh/ Operating results			
- Doanh số huy động tiền gửi/ *Cash deposits*			

- Doanh số cho vay/*Lendings*			
- Doanh số thu nợ/*Debt collection*			
- Nợ quá hạn/ *Outstanding debts*			
- Nợ khó đòi/*Bad debt*			
- Hệ số sử dụng vốn/ *Incremental Capital Output Ratio*			
- Tỷ lệ nợ bảo lãnh quá hạn/Tổng số dư bảo lãnh *(Overdue outstanding underwritten debt/ Total outstanding debt Ratio)*			
- Tỷ lệ nợ quá hạn/Tổng dư nợ *(Overdue outstanding debts/ Total debt Ratio)*			
- Tỷ lệ nợ khó đòi/Tổng dư nợ *(Bad debt/Total debt Ratio)*			
3. Khả năng thanh khoản/ Solvency			
- Khả năng thanh toán ngay/*Short term solvency*			
- Khả năng thanh toán chung/ *General solvency*			

5. Cơ cấu cổ đông, thay đổi vốn đầu tư của chủ sở hữu/ Shareholders structure, change in the owner's equity.

a) Cổ phần/*Shares*: Nêu tổng số cổ phần và loại cổ phần đang lưu hành, số lượng cổ phần chuyển nhượng tự do và số lượng cổ phần bị hạn chế chuyển nhượng theo quy định pháp luật, Điều lệ công ty hay cam kết của người sở hữu. Trường hợp công ty có chứng khoán giao dịch tại nước ngoài hay bảo trợ việc phát hành và niêm yết chứng khoán tại nước ngoài, cần nêu rõ thị trường giao dịch, số lượng chứng khoán được giao dịch hay được bảo trợ và các thông tin quan trọng liên quan đến quyền, nghĩa vụ của công ty liên quan đến chứng khoán giao dịch hoặc được bảo trợ tại nước ngoài/*Specify total number and types of floating shares, number of freely transferable shares and number of preferred shares in accordance with the law, Company Charter and commitments of the owner. Where the company has securities traded in foreign countries or underwrited the issuance and listing of securities in foreign countries, it is required to specify the foreign markets, the number of securities to be traded or underwritten and important information concerning the rights and obligations of the company related to the securities traded or underwritten in foreign countries.*

b) Cơ cấu cổ đông/*Shareholders structure*: Nêu cơ cấu cổ đông phân theo các tiêu chí tỷ lệ sở hữu (cổ đông lớn, cổ đông nhỏ); cổ đông tổ chức và cổ đông cá nhân; cổ đông trong nước và cổ đông nước ngoài, cổ đông nhà nước và các cổ đông khác/*Specify shareholders structure by ownership proportion (major, minority shareholders); institutional and individual shareholders; domestic and foreign shareholders; State and other shareholders).*

c) Tình hình thay đổi vốn đầu tư của chủ sở hữu/ *Change in the owner's equity:* Nêu các đợt tăng vốn cổ phần trong năm bao gồm các đợt chào bán ra công chúng, chào bán riêng lẻ, chuyển đổi trái phiếu, chuyển đổi chứng quyền, phát hành cổ phiếu thưởng, trả cổ tức bằng cổ phiếu v.v./ *Specify equity increases for the year including public offerings, private offerings, bond conversions, warrant conversions, issuance of bonus shares, shares dividend, etc.*

d) Giao dịch cổ phiếu quỹ/ *Transaction of treasury stocks:* Nêu số lượng cổ phiếu quỹ hiện tại, liệt kê các giao dịch cổ phiếu quỹ đã thực hiện trong năm bao gồm thời điểm thực hiện giao dịch, giá giao dịch và đối tượng giao dịch/ *Specify number of existing treasury stocks, list transactions of treasury stocks conducted for the year including trading times, prices and counter parties*

e) Các chứng khoán khác/ *Other securities:* nêu các đợt phát hành chứng khoán khác đã thực hiện trong năm. Nêu số lượng, đặc điểm các loại chứng khoán khác hiện đang lưu hành và các cam kết chưa thực hiện của công ty với cá nhân, tổ chức khác (bao gồm cán bộ công nhân viên, người quản lý của công ty) liên quan đến việc phát hành chứng khoán/*Specify other securities issuance conducted during the year. Specify the number, characteristics of other types of floating securities and outstanding commitments of the Company to other individuals, organizations (including Company's staffs and managers) related to the securities issuance.*

6. Báo cáo tác động liên quan đến môi trường và xã hội của công ty/ Report related impact of the Company on the environment and society

6.1. Quản lý nguồn nguyên vật liệu/Management of raw materials:

a) Tổng lượng nguyên vật liệu được sử dụng để sản xuất và đóng gói các sản phẩm và dịch vụ chính của tổ chức trong năm/ *The total amount of raw materials used for the manufacture and packaging of the products as well as services of the organization during the year.*

b) Báo cáo tỉ lệ phần trăm nguyên vật liệu được tái chế được sử dụng để sản xuất sản phẩm và dịch vụ chính của tổ chức/ *The percentage of materials recycled to produce products and services of the organization.*

6.2. Tiêu thụ năng lượng/ Energy consumption:

a) Năng lượng tiêu thụ trực tiếp và gián tiếp/ *Energy consumption - directly and indirectly.*

b) Năng lượng tiết kiệm được thông qua các sáng kiến sử dụng năng lượng hiệu quả/ *Energy savings through initiatives of efficiently using energy.*

c) Các báo cáo sáng kiến tiết kiệm năng lượng (cung cấp các sản phẩm và dịch vụ tiết kiệm năng lượng hoặc sử dụng năng lượng tái tạo); báo cáo kết quả của các sáng kiến này/ *The report on energy saving initiatives (providing products and services to save energy or use renewable energy); report on the results of these initiatives.*

6.3. Tiêu thụ nước: (mức tiêu thụ nước của các hoạt động kinh doanh trong năm)/ *Water consumption (water consumption of business activities in the year)*

a) Nguồn cung cấp nước và lượng nước sử dụng/ *Water supply and amount of water used.*

b) Tỷ lệ phần trăm và tổng lượng nước tái chế và tái sử dụng/ *Percentage and total volume of water recycled and reused.*

6.4. Tuân thủ pháp luật về bảo vệ môi trường/ Compliance with the law on environmental protection:

a) Số lần bị xử phạt vi phạm do không tuân thủ luật pháp và các quy định về môi trường/ *Number of times the company is fined for failing to comply with laws and regulations on environment.*

b) Tổng số tiền do bị xử phạt vi phạm do không tuân thủ luật pháp và các quy định về môi trường/ *The total amount to be fined for failing to comply with laws and regulations on the environment.*

6.5. Chính sách liên quan đến người lao động/ Policies related to employees

a) Số lượng lao động, mức lương trung bình đối với người lao động/ *Number of employees, average wages of workers.*

b) Chính sách lao động nhằm đảm bảo sức khỏe, an toàn và phúc lợi của người lao động/ *Labor policies to ensure health, safety and welfare of workers.*

c) Hoạt động đào tạo người lao động/ *Training employees*

- Số giờ đào tạo trung bình mỗi năm, theo nhân viên và theo phân loại nhân viên/ *The average number of training hours per year, according to the staff and classified staff.*

- Các chương trình phát triển kỹ năng và học tập liên tục để hỗ trợ người lao động đảm bảo có việc làm và phát triển sự nghiệp/ *The skills development and continuous learning program to support workers employment and career development.*

6.6. Báo cáo liên quan đến trách nhiệm đối với cộng đồng địa phương/ Report on responsibility for local community.

Các hoạt động đầu tư cộng đồng và hoạt động phát triển cộng đồng khác, bao gồm hỗ trợ tài chính nhằm phục vụ cộng đồng/ *The community investments and other community development activities, including financial assistance to community service.*

6.7. Báo cáo liên quan đến hoạt động thị trường vốn xanh theo hướng dẫn của UBCKNN/ Green capital market activities under the guidance of the SSC.

Lưu ý/Note: *(Mục 6 phần II Phụ lục này, công ty có thể lập riêng thành Báo cáo phát triển bền vững, trong đó các mục 6.1, 6.2 và 6.3 không bắt buộc đối với các doanh nghiệp hoạt động trong lĩnh vực dịch vụ tài chính, ngân hàng, chứng khoán, bảo hiểm)/ (As for Section 6 of Part II of this Appendix, the company may set up a separate Sustainability Development Report, in which the items 6.1, 6.2 and 6.3 are not mandatory for companies operating in sector of finance, banking, securities and insurance).*

III. Báo cáo và đánh giá của Ban Giám đốc/ ***Report and assessment of the Board of Management*** **(Ban Giám đốc báo cáo và đánh giá về tình hình mọi mặt của công ty/*****the Board of Management reports and assesses on the situation in all aspects of the Company)***

Báo cáo và đánh giá của Ban Giám đốc tối thiểu phải bao gồm các nội dung sau/*The Board of Management's reports and assessments shall include at least the following contents:*

1. Đánh giá kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh/ Assessment of operating results

- Phân tích tổng quan về hoạt động của công ty so với kế hoạch/dự tính và các kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh trước đây. Trường hợp kết quả sản xuất kinh doanh không đạt kế hoạch thì nêu rõ nguyên nhân và trách nhiệm của Ban Giám đốc đối với việc không hoàn thành kế hoạch sản xuất kinh doanh (nếu có)/ *General analysis of company's operations against the targets and previous operating results. In case the operating results do not meet targets, clearly state the reasons and responsibilities of the Board of Directors for such results (if any).*

- Những tiến bộ công ty đã đạt được/*The Company's achievements.*

2. Tình hình tài chính/ Financial Situation

a) Tình hình tài sản/ *Assets*

Phân tích tình hình tài sản, biến động tình hình tài sản (phân tích, đánh giá hiệu quả sử dụng tài sản, nợ phải thu xấu, tài sản xấu ảnh hưởng đến kết quả hoạt động kinh doanh)/ *Analysis of the asset, changes in assets (analysis, assessment of the efficiency of assets usage, bad liabilities, bad assets that affect business results).*

b) Tình hình nợ phải trả/ *Liabilities*

- Tình hình nợ hiện tại, biến động lớn về các khoản nợ/ *Current debts, major changes of debts.*

- Phân tích nợ phải trả xấu, ảnh hưởng chênh lệch của tỉ lệ giá hối đoái đến kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh của công ty, ảnh hưởng chênh lệch lãi vay/ *Analysis of outstanding debts, impact of the exchange rate changes on operating results of the company, and the cost of borrowing to the company's results.*

3. Những cải tiến về cơ cấu tổ chức, chính sách, quản lý/ Improvements in organizational structure, policies, management.

4. Kế hoạch phát triển trong tương lai/ Development plans in the future

5. Giải trình của Ban Giám đốc đối với ý kiến kiểm toán (nếu có) - (Trường hợp ý kiến kiểm toán không phải là ý kiến chấp thuận toàn phần)/Explanation of the Board of Directors for auditor's opinions (if any) - (In case the auditor's opinions are not absolutely approved).

6. Báo cáo đánh giá liên quan đến trách nhiệm về môi trường và xã hội của công ty/ Assessment Report related to environmental and social responsibility of company

a. Đánh giá liên quan đến các chỉ tiêu môi trường (tiêu thụ nước, năng lượng, phát thải...)/ *Review concerning the environmental indicators (water consumption, energy, emissions...).*

b. Đánh giá liên quan đến vấn đề người lao động/ *Review concerning the problems of workers*

c. Đánh giá liên quan đến trách nhiệm của doanh nghiệp đối với cộng đồng địa phương/ *Review concerning corporate responsibility towards the local community*

IV. Đánh giá của Hội đồng quản trị về hoạt động của Công ty (đối với công ty cổ phần)/*Assessments of the Board of Management on the Company's operation (for joint stock companies)*

1. Đánh giá của Hội đồng quản trị về các mặt hoạt động của Công ty, trong đó có đánh giá liên quan đến trách nhiệm môi trường và xã hội/ Assessments of the Board of Management on the

Company's operation, including the assessment related to environmental and social responsibilities.

2. Đánh giá của Hội đồng quản trị về hoạt động của Ban Giám đốc công ty/Assessment of Board of Directors on Board of Management' performance

3. Các kế hoạch, định hướng của Hội đồng quản trị/ Plans, orientations of the Board of Directors

V. Quản trị công ty/*Corporate governance* (Tổ chức không phải là tổ chức niêm yết không bắt buộc phải công bố các thông tin tại Mục này)/*Non-listed organizations are not obliged to disclose the information in this Section).*

1. Hội đồng quản trị/ Board of Directors

a) Thành viên và cơ cấu của Hội đồng quản trị/*Members and structure of the Board of Directors:* (danh sách thành viên Hội đồng quản trị, tỷ lệ sở hữu cổ phần có quyền biểu quyết và các chứng khoán khác do công ty phát hành, nêu rõ thành viên độc lập và các thành viên khác; số lượng chức danh thành viên hội đồng quản trị do từng thành viên Hội đồng quản trị của công ty nắm giữ tại các công ty khác/ *(list of members of the Board of Management, percentages of ownership in voting shares and other securities issued by the company, clearly Specify independentand other members; number of positions that a member the Board of Management held in other companies).*

b) Các tiểu ban thuộc Hội đồng quản trị/*The committees of the Board of Director:* (Liệt kê các tiểu ban thuộc Hội đồng quản trị và thành viên trong từng tiểu ban/*Listing the committees of the Board of Directors and members of each committee).*

c) Hoạt động của Hội đồng quản trị/*Activities of the Board of Directors:* đánh giá hoạt động của Hội đồng quản trị, nêu cụ thể số lượng các cuộc họp Hội đồng quản trị, nội dung và kết quả của các cuộc họp/*Assessment on the Board of Directors, specifying the number of meetings, contents and results of Board of Directors meetings.*

d) Hoạt động của thành viên Hội đồng quản trị độc lập/*Activities of independent members of the Board of Directors.* Hoạt động của các tiểu ban trong Hội đồng quản trị/ *Activities of the committees of the Board of Directors:* (đánh giá hoạt động của các tiểu ban thuộc Hội đồng quản trị, nêu cụ thể số lượng các cuộc họp của từng tiểu ban, nội dung và kết quả của các cuộc họp/ *assessment of activities of the committees of the Board of Directors, specifying the number of meetings of each committee, contents and results of the meetings).*

e) Danh sách các thành viên Hội đồng quản trị có chứng chỉ đào tạo về quản trị công ty. Danh sách các thành viên Hội đồng quản trị tham gia các chương trình về quản trị công ty trong năm/*List of members of the Board of Directors possessing certificates on corporate gorvenance. List of members of the Board of Directors participating in corporate governance training programs in the year.*

2. Ban Kiểm soát/ Board of Supervisors

a) Thành viên và cơ cấu của Ban kiểm soát/*Members and structure of the Board of Supervisors:* (danh sách thành viên Ban kiểm soát, tỷ lệ sở hữu cổ phần có quyền biểu quyết và các chứng khoán khác do công ty phát hành/ *list of members of the Board of Supervisors, percentages of ownership in voting shares and other securities issued by the company).*

b) Hoạt động của Ban kiểm soát/*Activities of the Board of Supervisors:* (đánh giá hoạt động của Ban kiểm soát, nêu cụ thể số lượng các cuộc họp của Ban kiểm soát, nội dung và kết quả của các cuộc họp/*Assessment of the Board of Supervisors, specifying the number of meetings, contents and results of the Board of Supervisors meetings).*

3. Các giao dịch, thù lao và các khoản lợi ích của Hội đồng quản trị, Ban giám đốc và Ban kiểm soát/ Transactions, remunerations and interests of the Board of Directors, Board of Management and Board of Supervisors

a) Lương, thưởng, thù lao, các khoản lợi ích/*Salary, rewards, remuneration and benefits:* (Lương, thưởng, thù lao, các khoản lợi ích khác và chi phí cho từng thành viên Hội đồng quản trị, thành viên Ban kiểm soát, Giám đốc hoặc Tổng Giám đốc và các cán bộ quản lý. Giá trị các khoản thù lao, lợi ích và chi phí này phải được công bố chi tiết cho từng người, ghi rõ số tiền cụ thể. Các khoản lợi ích phi vật chất hoặc các khoản lợi ích chưa thể/không thể lượng hóa bằng tiền cần được liệt kê và giải trình đầy đủ/*Salary, rewards, remuneration and other benefits and expenses for each member of the Board of Directors, members of the Board of Supervisors, Director and General Director and managers. Values of such remuneration, benefits and expenses shall be disclosed in details for each person. Non-material benefits or interests which have not been/cannot be quantified by cash shall be listed and accounted for sufficiently).*

b) Giao dịch cổ phiếu của cổ đông nội bộ/ *Transactions of internal shareholders:* (Thông tin về các giao dịch cổ phiếu của các thành viên Hội đồng quản trị, thành viên Ban kiểm soát, Giám đốc (Tổng Giám đốc), Kế toán trưởng, các cán bộ quản lý, Thư ký công ty, cổ đông lớn và những người liên quan tới các đối tượng nói trên/*Information about share transactions of the members of Board of Directors, members of the Board of Supervisors, Director (General Director), Chief Accountant, managers, Company Secretary, major shareholders and the affiliated persons).*

c) Hợp đồng hoặc giao dịch với cổ đông nội bộ/ *Contracts or transactions with internal shareholders:* (Thông tin về hợp đồng, hoặc giao dịch đã được ký kết hoặc đã được thực hiện trong năm với công ty, các công ty con, các công ty mà công ty nắm quyền kiểm soát của thành viên Hội đồng quản trị, thành viên Ban kiểm soát, Giám đốc (Tổng Giám đốc), các cán bộ quản lý và những người liên quan tới các đối tượng nói trên/*Information about the contracts, or transactions that Company's members of the Board of Supervisors, Director (General Director), managers and affiliated persons entered into or executed in the year with the company, subsidiaries, other companies in which the company hold the control rights.*

d) Việc thực hiện các quy định về quản trị công ty/ *Implementation of regulations on corporate governance:* (Nêu rõ những nội dung chưa thực hiện được theo quy định pháp luật về quản trị công ty. Nguyên nhân, giải pháp và kế hoạch khắc phục/kế hoạch tăng cường hiệu quả trong hoạt động quản trị công ty/*Clearly specify the contents which have not been implemented in accordance to the law on corporate governance. Reasons, solutions and remediation plans/plans to improve efficiency in corporate governance).*

VI. Báo cáo tài chính/ *Financial statements*

1. Ý kiến kiểm toán/Auditor's opinions

2. *Báo cáo tài chính được kiểm toán/Audited financial statements* (Báo cáo tài chính năm đã được kiểm toán bao gồm: Bảng cân đối kế toán; Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh; Báo cáo

lưu chuyển tiền tệ; Bản thuyết minh Báo cáo tài chính theo quy định pháp luật về kế toán và kiểm toán. Trường hợp theo quy định pháp luật về kế toán và kiểm toán, công ty phải lập Báo cáo tài chính hợp nhất hoặc Báo cáo tài chính tổng hợp thì Báo cáo tài chính trình bày trong Báo cáo thường niên là Báo cáo tài chính hợp nhất đồng thời nêu địa chỉ công bố, cung cấp báo cáo tài chính của công ty mẹ hoặc Báo cáo tài chính tổng hợp hoặc Báo cáo tài chính của đơn vị kế toán cấp trên/*Audited annual financial statements include: Balance sheet; Income statement; Cash flow statement; Financial Statements Explaination. In case the company has to prepare consolidated or general Financial Statements in accordance to the law on accounting and audit, the Financial Statements presented in the Annual Reports shall be the consolidated Financial Statements; and the addresses where the financial statements of the parent company or the general Financial Statements or the financial statements of superior accounting units to be published and provided).*

XÁC NHẬN CỦA ĐẠI DIỆN THEO PHÁP LUẬT CỦA CÔNG TY
CONFIRMATION BY THE COMPANY'S LEGAL REPRESENTATIVE

MẪU 04
FORM 04
BÁO CÁO TÌNH HÌNH QUẢN TRỊ CÔNG TY
REPORT ON CORPORATE GOVERNANCE

TỔNG CÔNG TY **HÓA CHẤT VÀ DỊCH VỤ DẦU KHÍ-CTCP** **PETROVIETNAM CHEMICAL AND SERVICES CORPORATION** ---	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc** ***THE SOCIALIST REPUBLIC OF VIETNAM*** ***Independence - Freedom - Happiness*** ---
Số: *No:*	*....., ngày ... tháng ..... năm .....* *....., month ... day ..... year .....*

BÁO CÁO TÌNH HÌNH QUẢN TRỊ CÔNG TY NIÊM YẾT
REPORT ON CORPORATE GOVERNANCE OF LISTING COMPANY
(6 tháng/năm)
(6 months/year)

Kính gửi: - Ủy ban Chứng khoán Nhà nước
- Sở Giao dịch Chứng khoán

To: - *The State Securities Commission*
- *The Stock Exchange*

- Tên công ty niêm yết/Name of listing company:
- Địa chỉ trụ sở chính/*Address of headoffice:*
- Điện thoại/ *Telephone:* Fax: Email:
- Vốn điều lệ/ *Charter capital:*
- Mã chứng khoán/ *Securities code:*

I. Hoạt động của Đại hội đồng cổ đông/*Activities of the General Meeting of Shareholders*

Thông tin về các cuộc họp và Nghị quyết/Quyết định của Đại hội đồng cổ đông (bao gồm cả các Nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông được thông qua dưới hình thức lấy ý kiến bằng văn bản)/ *Information on meetings and resolutions / decisions of the General Meeting of Shareholders (including the resolutions of the General Meeting of Shareholders adopted in the form of written comments):*

Stt *No.*	Số Nghị quyết/ Quyết định *Resolution/Decision No.*	Ngày *Date*	Nội dung *Content*

II. Hội đồng quản trị (Báo cáo 6 tháng/năm)/ *Board of Management (Semi-annual/annual reports):*

1. Thông tin về thành viên Hội đồng quản trị (HĐQT)/ *Information about the members of the Board of Management:*

Stt *No.*	Thành viên HĐQT/ *BOM's member*	Chức vụ/ *Position*	Ngày bắt đầu/không còn là thành viên HĐQT/ *Day becoming/no longer member of the Board of Management*	Số buổi họp HĐQT tham dự/ *Number of attendance*	Tỷ lệ tham dự họp/ *Percentage*	Lý do không tham dự họp/ *Reasons for absence*
	Ông/Bà *Mr./Ms*					

2. Hoạt động giám sát của HĐQT đối với Ban Giám đốc/ *Supervision by the BOD over the Director (General Director):*

3. Hoạt động của các tiểu ban thuộc Hội đồng quản trị/ *Activities of the Board of Directors' committees:*

4. Các Nghị quyết/Quyết định của Hội đồng quản trị (Báo cáo 6 tháng/năm)/ *Resolutions/Decisions of the Board of Directors (Semi-annual/annual reports):*

Stt No.	Số Nghị quyết/ Quyết định *Resolution/Decision No.*	Ngày *Date*	Nội dung *Content*

III. Ban kiểm soát (Báo cáo 6 tháng/năm)/ ***Supervisory Board*** *(Semi-annual/annual reports):*

1. Thông tin về thành viên Ban Kiểm soát (BKS)/ *Information about members of Supervisory Board:*

Stt *No.*	Thành viên BKS *Members of Supervisory Board*	Chức vụ *Position*	Ngày bắt đầu/không còn là thành viên BKS *Day becoming/no longer member of the Supervisory*	Số buổi họp BKS tham dự *Number of attendance*	Tỷ lệ tham dự họp *Percentage*	Lý do không tham dự họp *Reasons for absence*

			Board			
	Ông/Bà Mr./Ms.					

2. Hoạt động giám sát của BKS đối với HĐQT, Ban Giám đốc điều hành và cổ đông *Surveillance activities of the Supervisory Boardtoward the Board of Management, Board of Directors and shareholders:*

3. Sự phối hợp hoạt động giữa BKS đối với hoạt động của HĐQT, Ban Giám đốc điều hành và các cán bộ quản lý khác/ *The coordination among the Supervisory Boardwith the Board of Management, Board of Directors and different managers:*

4. Hoạt động khác của BKS (nếu có)/ *Other activities of the Supervisory Board (if any):*

IV. Đào tạo về quản trị công ty/ *Training on corporate governance:*

Các khóa đào tạo về quản trị công ty mà các thành viên HĐQT, thành viên BKS, Giám đốc (Tổng Giám đốc) điều hành, các cán bộ quản lý khác và Thư ký công ty đã tham gia theo quy định về quản trị công ty/ *Training courses on corporate governance which members of Board of Management, members of the Supervisory Board, Director (CEO), other managers and company secretary was involved in accordance with regulations on corporate governance:*

V. Danh sách về Người có liên quan của công ty niêm yết theo quy định tại khoản 34 Điều 6 Luật Chứng khoán (Báo cáo 6 tháng/năm) và giao dịch của Người có liên quan của công ty với chính Công ty / *List of affiliated persons of the public company as specified in clause 34, Article 6 of the Securities Law (Semi-annual/annual reports) and transactions of affiliated persons of the Company with the Company)*

1. Danh sách về Người có liên quan của công ty/ *List of affiliated persons of the Company*

STT *No.*	Tên tổ chức/cá nhân *Name of organization/individual*	Tài khoản giao dịch chứng khoán (nếu có) *Securities trading account (if any)*	Chức vụ tại công ty (nếu có) *Position at the company (if any)*	Số Giấy NSH*, ngày cấp, nơi cấp *NSH No.*, date of issue, place of issue*	Địa chỉ trụ sở chính/ Địa chỉ liên hệ *Address*	Thời điểm bắt đầu là Người có liên quan *Time of starting to be affiliated person*	Thời điểm không còn là Người có liên quan *Time of ending to be affiliated person*	Lý do *Reasons*

Ghi chú/Note: Số Giấy NSH: Số CMND/Hộ chiếu (đối với cá nhân) hoặc Số GCN đăng ký doanh nghiệp, Giấy phép hoạt động hoặc giấy tờ pháp lý tương đương (đối với tổ chức)/NSH: In case of individual: ID card/Passport No.; In case of organization: License of establishment and operation/Certificate of business registration/equivalent legal documents.*

2. Giao dịch giữa công ty với Người có liên quan của công ty; hoặc giữa công ty với cổ đông lớn, Người nội bộ , Người có liên quan của Người nội bộ / *Transactions between the company and the affiliated persons or between the company and major shareholders, internal persons and related person of internal person.*

STT *No.*	Tên tổ chức/cá nhân *Name of organization/ individual*	Mối quan hệ liên quan với công ty *Relationship*	Số Giấy NSH*, ngày cấp, nơi cấp *NSH No.*, date of issue, place of issue*	Địa chỉ trụ sở chính/ Địa chỉ liên hệ *Address*	Thời điểm giao dịch với công ty *Time of transactions*	Số Nghị quyết/ Quyết định của ĐHĐCĐ/ HĐQT... thông qua (nếu có, nêu rõ ngày ban hành) *Number of resolutions / decisions of the AGM / BOM adopted (if any, specify date of issue)*	Số lượng, tỷ lệ nắm giữ cổ phiếu sau khi giao dịch *Number, ownership proportion of shares/fund certificates hold after the transaction*	Ghi chú *Note*

Ghi chú/Note: Số Giấy NSH: Số CMND/Hộ chiếu (đối với cá nhân) hoặc Số GCN đăng ký doanh nghiệp, Giấy phép hoạt động hoặc giấy tờ pháp lý tương đương (đối với tổ chức)/ NSH*: In case of individual: ID card/Passport No.; In case of organization: License of establishment and operation/Certificate of business registration/equivalent legal documents.*

3. Giao dịch giữa Người nội bộ công ty niêm yết, Người có liên quan của Người nội bộ với công ty con, công ty do công ty niêm yết nắm quyền kiểm soát/ *Transaction between internal person of listed company and company's subsidiaries, or the company in which listed company takes controlling power*

Stt *No.*	Người thực hiện giao dịch *Transaction executor*	Quan hệ với Người nội bộ *Relationship with internal person*	Chức vụ tại CTNY *Position at listed company*	Số CMND/ Hộ chiếu, ngày cấp, nơi cấp *ID card/Passport No., date of issue, place of issue*	Địa chỉ *Address*	Tên công ty con, công ty do CTNY nắm quyền kiểm soát *Name of subsidiaries, the company which*	Thời điểm giao dịch *Time of transaction*	Số lượng, tỷ lệ nắm giữ cổ phiếu sau khi giao dịch/ *Number, ownership proportion of shares/fund certificates hold*	Ghi chú *Note*

						listed company control		*after the transaction*	

4. Giao dịch giữa công ty với các đối tượng khác/ *Transactions between the company and other objects*

4.1. Giao dịch giữa công ty với công ty mà thành viên HĐQT, thành viên Ban Kiểm soát, Giám đốc (Tổng Giám đốc) điều hành đã và đang là thành viên sáng lập hoặc thành viên HĐQT, Giám đốc (Tổng Giám đốc) điều hành trong thời gian ba (03) năm trở lại đây (tính tại thời điểm lập báo cáo)/ *Transactions between the company and the company that members of Board of Management, members of the Supervisory Board, Director (CEO) has been a founding member or members of Board of Management, Director (CEO) in three (03) years (calculated at the time of reporting).*

4.2. Giao dịch giữa công ty với công ty mà Người có liên quan của thành viên HĐQT, thành viên Ban Kiểm soát, Giám đốc (Tổng Giám đốc) điều hành là thành viên HĐQT, Giám đốc (Tổng Giám đốc) điều hành/ *Transactions between the company and the company that related person of members of Board of Management, members of the Supervisory Board, Director (CEO) as a member of Board of Management, Director (CEO).*

4.3. Các giao dịch khác của công ty (nếu có) có thể mang lại lợi ích vật chất hoặc phi vật chất đối với thành viên HĐQT, thành viên Ban Kiểm soát, Giám đốc (Tổng Giám đốc) điều hành/ *Other transactions of the company (if any) may be beneficial material or immaterial for members of Board of Management, members of the Supervisory Board, Director (CEO).*

VI. Giao dịch cổ phiếu của Người nội bộ và người liên quan của Người nội bộ (Báo cáo 6 tháng/năm)/ *Transactions of internal persons and related person of internal person (Semi-annual/annual reports)*

1. Danh sách Người nội bộ và Người có liên quan của Người nội bộ / *List of internal persons and their affiliated persons*

Stt *No.*	Họ tên *Name*	Tài khoản giao dịch chứng khoán (nếu có) *Securities trading account (if any)*	Chức vụ tại công ty (nếu có) *Position at the company (if any)*	Số CMND/Hộ chiếu, ngày cấp, nơi cấp *ID card/Passport No., date of issue, place of issue*	Địa chỉ liên hệ *Address*	Số cổ phiếu sở hữu cuối kỳ *Number of shares owned at the end of the period*	Tỷ lệ sở hữu cổ phiếu cuối kỳ *Percentage of share ownership at the end of the period*	Ghi chú *Note*
1	(Tên Người nội bộ							

	/ Name of internal person)							
	Tên Người có liên quan của Người nội bộ */ Name affiliated person*							
2	…							

2. Giao dịch của Người nội bộ và Người có liên quan đối với cổ phiếu của công ty niêm yết/ *Transactions of internal persons and affiliated persons on shares of the listed company*

Stt *No.*	Người thực hiện giao dịch *Transaction executor*	Quan hệ với Người nội bộ *Relationship with internal person*	Số cổ phiếu sở hữu đầu kỳ *Number of shares owned at the beginning of the period*		Số cổ phiếu sở hữu cuối kỳ *Number of shares owned at the end of the period*		Lý do tăng, giảm (mua, bán, chuyển đổi, thưởng...) *Reasons for increase, decrease (purchase, sale, switch, reward...)*
			Số cổ phiếu *Number of shares*	Tỷ lệ *Percentage*	Số cổ phiếu *Number of shares*	Tỷ lệ *Percentage*	

VII. Các vấn đề cần lưu ý khác/ Other significant issue

CHỦ TỊCH HĐQT
CHAIRMAN OF THE BOD
(Ký tên và đóng dấu)

MẪU - 05
FOMR 05

THÔNG BÁO GIAO DỊCH CỔ PHIẾU CỦA NGƯỜI NỘI BỘ VÀ NGƯỜI CÓ LIÊN QUAN CỦA NGƯỜI NỘI BỘ

NOTICE OF TRANSACTION INSHARESOF INTERNAL PERSON AND RELATED PERSONS OF INTERNAL PERSON

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc
THE SOCIALIST REPUBLIC OF VIETNAM
Independence - Freedom - Happiness

....., ngày ... tháng ... năm ...
....., day ... month ... year ...

THÔNG BÁO GIAO DỊCH CỔ PHIẾU CỦA NGƯỜI NỘI BỘ VÀ NGƯỜI CÓ LIÊN QUAN CỦA NGƯỜI NỘI BỘ

Kính gửi: - Ủy ban Chứng khoán Nhà nước
- Sở Giao dịch chứng khoán
- Công ty đại chúng/ Công ty quản lý quỹ

To: - *The State Securities Commission*
- *The Stock Exchange*
- *The public company/ The fund management company*

1. Thông tin về cá nhân/tổ chức thực hiện giao dịch/ *Information on individual/ organization that conducts the transfer:*

- Họ và tên cá nhân/Tên tổ chức/ *Name of individual/organization*:
- Quốc tịch/ *Nationality*:
- Số CMND, Hộ chiếu, Thẻ căn cước (đối với cá nhân) hoặc Số Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp, Giấy phép hoạt động hoặc giấy tờ pháp lý tương đương (đối với tổ chức), ngày cấp, nơi cấp/ *ID card/Passport No. (in case of individual) or Certificate of business registration No. (in case of organization), date of issue, place of issue.*
- Địa chỉ liên hệ/Địa chỉ trụ sở chính/ *Address*:
- Điện thoại/ *Telephone*: ..... Fax: ..... Email: ..... Website: .....
- Chức vụ hiện nay tại công ty đại chúng, công ty quản lý quỹ (nếu có) hoặc mối quan hệ với công ty đại chúng, công ty quản lý quỹ /*Current position in the public company, the fund management company (if any) or relationship with the public company, the fund management company:*

2. Thông tin về Người nội bộ của công ty đại chúng/quỹ đại chúng là Người có liên quan của cá nhân/tổ chức thực hiện giao dịch (đối với trường hợp người thực hiện giao dịch là Người có liên quan của Người nội bộ của công ty đại chúng/quỹ đại chúng)/ *Information about internal person of the public company/public fund is related person of trading individual/organization (in case trader is related person of internal person of the public company/public fund):*

- Họ và tên Người nội bộ / *Name of internal person:*
- Quốc tịch/ *Nationality:*
- Số CMND, Hộ chiếu, Thẻ căn cước/ *ID card/Passport No.:*

- Địa chỉ thường trú/ *Permanent address:*
- Điện thoại liên hệ/ *Address:* Fax: Email:
- Chức vụ hiện nay tại công ty đại chúng, công ty quản lý quỹ /*Currently posittion in the public company, the fund management company:*
- Mối quan hệ giữa cá nhân/tổ chức thực hiện giao dịch với Người nội bộ / *Relationship of individual/organization executing transaction with internal person:*
- Số lượng, tỷ lệ cổ phiếu/chứng chỉ quỹ mà Người nội bộ đang nắm giữ (nếu có)/ *Number, ownership proportion of shares held by the internal (if any):*

3. Mã chứng khoán giao dịch/ *Securities code:*

4. Các tài khoản giao dịch có cổ phiếu/chứng chỉ quỹ nêu tại mục 3/*Trading account number with shares/fund certificates mentioned above:*..... tại công ty chứng khoán/ *In securities company:* .....

5. Số lượng, tỷ lệ cổ phiếu/chứng chỉ quỹ nắm giữ trước khi thực hiện giao dịch/ *Number, ownership proportion of shares/fund certificates held before transaction:*

6. Số lượng cổ phiếu/chứng chỉ quỹ đăng ký mua/bán/cho/được cho/tặng/được tặng/thừa kế/chuyển nhượng/nhận chuyển nhượng/hoán đổi/ *Number of shares/fund certificates registered to purchase/ sale/ give/ be given/ donate/ be donated /inherit/ transfer/ transferred/swap.*

7. Số lượng, tỷ lệ cổ phiếu/chứng chỉ quỹ dự kiến nắm giữ sau khi thực hiện giao dịch/ *Number, ownership proportion of shares/fund certificates expected to hold after the transaction:*

8. Mục đích thực hiện giao dịch/ *Purposes of transaction:*

9. Phương thức giao dịch/ *Mode of transaction:*

10. Thời gian dự kiến thực hiện giao dịch/ *Transaction period:* từ ngày/*from*..... đến ngày/ *to*.....

CÁ NHÂN/TỔ CHỨC BÁO CÁO/
NGƯỜI ĐƯỢC ỦY QUYỀN CÔNG BỐ THÔNG TIN
NAME OF REPORTING ORGANIZATION/INDIVIDUAL/PERSONS AUTHORIZED TO DISCLOSE INFORMATION
(Ký, ghi rõ họ tên, đóng dấu - nếu có)
(Signature, full name and seal - in case of organization)

MẪU - 06
FORM 06

THÔNG BÁO GIAO DỊCH QUYỀN MUA CỔ PHIẾU/ QUYỀN MUA TRÁI PHIẾU CHUYỂN ĐỔI CỦA NGƯỜI NỘI BỘ VÀ NGƯỜI CÓ LIÊN QUAN
NOTICE OF TRANSACTION IN CONVERTIBLE BOND, RIGHTS TO BUY SHARES OF INTERNAL PERSON OF PUBLIC COMPANYAND RELATED PERSON OF INTERNAL PERSON

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc
THE SOCIALIST REPUBLIC OF VIETNAM
Independence - Freedom - Happiness

....., ngày ... tháng ... năm .....
....., day ... month ... year .....

THÔNG BÁO GIAO DỊCH TRÁI PHIẾU CHUYỂN ĐỔI, QUYỀN MUA CỔ PHIẾU/ QUYỀN MUA TRÁI PHIẾU CHUYỂN ĐỔI CỦA NGƯỜI NỘI BỘ CỦA CÔNG TY ĐẠI CHÚNGVÀ NGƯỜI CÓ LIÊN QUAN CỦA NGƯỜI NỘI BỘ
NOTICE OF TRANSACTION IN CONVERTIBLE BOND, RIGHTS TO BUY SHARES OF INTERNAL PERSON OF PUBLIC COMPANYAND RELATED PERSON OF INTERNAL PERSON

Kính gửi: - Ủy ban Chứng khoán Nhà nước
- Sở Giao dịch chứng khoán
- Công ty đại chúng/ Công ty quản lý quỹ

To: - *The State Securities Commission*
- *The Stock Exchange*
- *The public company/ The fund management company*

1. Thông tin về cá nhân/tổ chức thực hiện giao dịch/ *Information on individual/ organization:*

- Họ và tên cá nhân/Tên tổ chức/ *Name of individual/organization:*

- Quốc tịch/ *Nationality:*

- Số CMND, Hộ chiếu, Thẻ căn cước (đối với cá nhân) hoặc Số Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp, Giấy phép hoạt động hoặc giấy tờ pháp lý tương đương (đối với tổ chức), ngày cấp, nơi cấp/ *ID card/Passport No. (in case of individual) or Certificate of business registration No. (in case of organization), date of issue, place of issue.*

- Địa chỉ liên hệ/Địa chỉ trụ sở chính/ *Address:*

- Điện thoại/ *Telephone:* ..... Fax :..... Email: ..... Website: .....

- Chức vụ hiện nay tại công ty đại chúng, công ty quản lý quỹ (nếu có) hoặc mối quan hệ với công ty đại chúng, công ty quản lý quỹ/ *Current position in the public company, the fund management company (if any) or relationship with the public company, the fund management company:*

2. Thông tin về Người nội bộ của công ty đại chúng/quỹ đại chúng là Người có liên quan của cá nhân/tổ chức thực hiện giao dịch (đối với trường hợp người thực hiện giao dịch là Người có liên quan của Người nội bộ của công ty đại chúng/quỹ đại chúng)/ *Information about internal person of the public company/public fund is related person of trading individual/organization (in case trader is related person of internal person of the public company/public fund):*

- Họ và tên Người nội bộ / *Name of internal person:*

- Quốc tịch/ *Nationality:*

- Số CMND, Hộ chiếu, Thẻ căn cước/ *ID card/Passport No.:*

- Địa chỉ thường trú/ *Permanent address:*

- Điện thoại liên hệ/ *Address:* Fax: Email:

- Chức vụ hiện nay tại công ty đại chúng, công ty quản lý quỹ/ *Currently posittion in the public company, the fund management company:*

- Mối quan hệ giữa cá nhân/tổ chức thực hiện giao dịch với Người nội bộ / *Relationship of individual/organization executing transaction with internal person:*

- Số lượng, tỷ lệ cổ phiếu/chứng chỉ quỹ mà Người nội bộ đang nắm giữ (nếu có)/ *Number, ownership proportion of shares held by the internal (if any):*

3. Mã chứng khoán giao dịch/ *Securities code:*

4. Các tài khoản giao dịch có cổ phiếu/chứng chỉ quỹ nêu tại mục 3/*Trading account number with shares/fund certificates mentioned above:*..... tại công ty chứng khoán/ *In securities company:* .....

5. Số lượng, tỷ lệ cổ phiếu/chứng chỉ quỹ nắm giữ trước khi thực hiện giao dịch quyền mua, quyền chuyển đổi trái phiếu thành cổ phiếu/ *Number, proportion securities/ fund certificates held before transaction in rights, convertible bond:*

6. Số lượng quyền mua hoặc số lượng trái phiếu chuyển đổi hiện có/ *Number of rights or convertible bond owned:*

7. Tỷ lệ thực hiện quyền mua (đối với giao dịch quyền mua) hoặc tỷ lệ chuyển đổi trái phiếu thành cổ phiếu (đối với giao dịch trái phiếu chuyển đổi)/ *Exercise ratio (for trading rights) or conversion rate (for convertible bond transactions):*

8. Số lượng quyền mua (đối với giao dịch quyền mua) hoặc số lượng trái phiếu chuyển đổi *(đối với giao dịch trái phiếu chuyển đổi)* đăng ký mua/bán/cho/được cho/tặng/được tặng/thừa kế/chuyển nhượng/nhận chuyển nhượng/ *Number of rights (for trading rights) or number of convertible bond (for trading convertible bond) registered to purchase/ sale/ give/ be given/ donate/ be donated/inherit/ transfer/ transferred.*

9. Tổng số lượng cổ phiếu/chứng chỉ quỹ/trái phiếu chuyển đổi dự kiến nắm giữ sau khi thực hiện quyền mua hoặc số lượng cổ phiếu dự kiến nắm giữ sau khi chuyển đổi trái phiếu thành cổ phiếu/ *Number of shares/fund certificates/convertible bonds expected to hold after exercising the right or number of shares expected to hold after convert bonds to shares:*

10. Phương thức giao dịch/*Mode of transaction:*

11. Thời gian dự kiến thực hiện giao dịch/ *Transaction period:* từ ngày/*from*……đến ngày/*to*….

(*) Là số cổ phiếu/chứng chỉ quỹ dự kiến sẽ mua theo tỷ lệ thực hiện quyền, ví dụ: số quyền mua là 1000, tỷ lệ thực hiện là 5:1 thì số lượng cổ phiếu/chứng chỉ quỹ dự kiến mua là 200)/*Being number of shares/fund certificates expected to purchase according to the execution ratio, for example, number of rights is 1000, execution ratio is 5:1, then the number of shares/fund certificates expected to purchase is 200)*

CÁ NHÂN/TỔ CHỨC BÁO CÁO/
NGƯỜI ĐƯỢC ỦY QUYỀN CÔNG BỐ THÔNG TIN
NAME OF REPORTING ORGANIZATION/ INDIVIDUAL/PERSONS AUTHORIZED TO DISCLOSE INFORMATION
(Ký, ghi rõ họ tên, đóng dấu - nếu có)
(Signature, full name and seal - in case of organization)

MẪU - 07
FORM 07

BÁO CÁO KẾT QUẢ GIAO DỊCH CỔ PHIẾU CỦA NGƯỜI NỘI BỘ VÀ NGƯỜI CÓ LIÊN QUAN
REPORT ON RESULTS OF TRANSACTION IN SHARESOF INTERNAL PERSON AND AFFILIATED PERSONS

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc
THE SOCIALIST REPUBLIC OF VIETNAM
Independence - Freedom - Happiness

....., ngày ... tháng ... năm .....
....., day ... month ... year .....

BÁO CÁO KẾT QUẢ GIAO DỊCH CỔ PHIẾU CỦA NGƯỜI NỘI BỘ VÀ NGƯỜI CÓ LIÊN QUAN CỦA NGƯỜI NỘI BỘ
REPORT ON RESULTS OF TRANSACTION IN SHARES OF INTERNAL PERSON AND RELATED PERSONS OF INTERNAL PERSON

Kính gửi: - Ủy ban Chứng khoán Nhà nước
- Sở Giao dịch chứng khoán
- Công ty đại chúng/ Công ty quản lý quỹ

To: - *The State Securities Commission*
- *The Stock Exchange*
- *The public company/ The fund management company*

1. Thông tin về cá nhân/tổ chức thực hiện giao dịch/ *Information on individual/ organization:*

- Họ và tên cá nhân/Tên tổ chức/ *Name of individual/organization:*

- Quốc tịch/ *Nationality:*

- Số CMND, Hộ chiếu, Thẻ căn cước (đối với cá nhân) hoặc Số Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp, Giấy phép hoạt động hoặc giấy tờ pháp lý tương đương (đối với tổ chức), ngày cấp, nơi cấp/ *ID card/Passport No. (in case of individual) or Certificate of business registration No. (in case of organization), date of issue, place of issue.*

- Địa chỉ liên hệ/Địa chỉ trụ sở chính/ *Address:*

- Điện thoại/ *Telephone:* ..... Fax: ..... Email: ..... Website: .....

- Chức vụ hiện nay tại công ty đại chúng, công ty quản lý quỹ (nếu có) hoặc mối quan hệ với công ty đại chúng, công ty quản lý quỹ/ *Current position in the public company, the fund management company (if any) or relationship with the public company, the fund management company:*

- Chức vụ tại công ty đại chúng, công ty quản lý quỹ tại ngày đăng ký giao dịch (nếu có)/ *Posittion in the public company, the fund management company at registration date (if any):*..... và ngày không còn là Người nội bộ hoặc Người có liên quan của Người nội bộ của công ty đại chúng, công ty quản lý quỹ: .....(nêu rõ lý do) */ *and date on which is no longer internal person or related person of internal person of the public company, the fund management company:*

*: *Mục này chỉ dành cho trường hợp chưa hết thời hạn đăng ký giao dịch, đối tượng đăng ký không còn là Người nội bộ hoặc Người có liên quan của Người nội bộ của công ty đại chúng, công ty quản lý quỹ/ This item is only for cases not yet registration deadline of transaction, the registrant is no longer the internal person or related person of internal person of the public company, the fund management company.*

2. Thông tin về Người nội bộ của công ty đại chúng/quỹ đại chúng là Người có liên quan của cá nhân/tổ chức thực hiện giao dịch *(đối với trường hợp người thực hiện giao dịch là Người có liên quan của Người nội bộ của công ty đại chúng/quỹ đại chúng)/ Information about internal person of the public company/public fund is related person of trading individual/organization (in case trader is related person of internal person of the public company/public fund):*

- Họ và tên Người nội bộ / *Name of internal person:*

- Quốc tịch/ *Nationality:*

- Số CMND, Hộ chiếu, Thẻ căn cước/ *ID card/Passport No.:*

- Địa chỉ thường trú/ *Permanent address:*

- Điện thoại liên hệ/ *Address:* Fax: Email:

- Chức vụ tại công ty đại chúng, công ty quản lý quỹ tại ngày cá nhân/tổ chức nêu tại mục 1 đăng ký giao dịch/ *Posittion in the public company, the fund management company at date on which individual / organization referred to in paragraph 1 to register the transaction: ...*

- Chức vụ hiện nay tại công ty đại chúng, công ty quản lý quỹ/ *Currently posittion in the public company, the fund management company:*

- Mối quan hệ giữa cá nhân/tổ chức thực hiện giao dịch với Người nội bộ / *Relationship of individual/organization executing transaction with internal person:*

- Số lượng, tỷ lệ cổ phiếu/chứng chỉ quỹ mà Người nội bộ đang nắm giữ (nếu có)/ *Number, ownership proportion of shares held by the internal (if any):*

3. Mã chứng khoán giao dịch/ *Securities code:*

4. Các tài khoản giao dịch có cổ phiếu/chứng chỉ quỹ nêu tại mục 3/*Trading account number with shares/fund certificates mentioned above:*..... tại công ty chứng khoán/ *In securities company:* .....

5. Số lượng, tỷ lệ cổ phiếu/chứng chỉ quỹ nắm giữ trước khi thực hiện giao dịch/ *Number, ownership proportion of shares/fund certificates held before transaction:*

6. Số lượng cổ phiếu/chứng chỉ quỹ đăng ký mua/bán/cho/được cho/tặng/được tặng/thừa kế/chuyển nhượng/nhận chuyển nhượng/ *Number of shares/fund certificates registered to purchase/ sale/ give/ be given/ donate/ be donated /inherit/ transfer/ transferred.*

7. Số lượng cổ phiếu/chứng chỉ quỹ đã giao dịch (mua/bán/cho/được cho/tặng/được tặng/thừa kế/chuyển nhượng/nhận chuyển nhượng/hoán đổi) **/ *Number of shares/fund certificates traded (purchase/ sale/ give/ be given/ donate/ be donated /inherit/ transfer/ transferred/swap).*

8. Số lượng, tỷ lệ cổ phiếu/chứng chỉ quỹ nắm giữ sau khi thực hiện giao dịch/ *Number, ownership proportion of shares/fund certificates held after executing transaction:*

9. Phương thức giao dịch/ *Mode of transaction:*

10. Thời gian thực hiện giao dịch/ *Transaction period:* từ ngày/*from*..... đến ngày/*to*.....

** (Trong trường hợp không thực hiện hết số lượng đăng ký, Người nội bộ / Người có liên quan phải giải trình nguyên nhân.)/* *(In case of failing to execute full registered number, the internal person/ related person of internal person shall need to explain the reasons.)*

CÁ NHÂN/TỔ CHỨC BÁO CÁO/
NGƯỜI ĐƯỢC ỦY QUYỀN CÔNG BỐ THÔNG TIN
NAME OF REPORTING ORGANIZATION/ INDIVIDUAL/ PERSONS AUTHORIZED TO DISCLOSE INFORMATION
(Ký, ghi rõ họ tên, đóng dấu - nếu có)
(Signature, full name and seal - in case of organization)

MẪU - 08
FORM 08

BÁO CÁO KẾT QUẢ GIAO DỊCH QUYỀN MUA CỔ PHIẾU/TRÁI PHIẾU CHUYỂN ĐỔI CỦA NGƯỜI NỘI BỘ VÀ NGƯỜI CÓ LIÊN QUAN
REPORT ON RESULTS OF TRANSACTION IN CONVERTIBLE BOND, RIGHTS TO BUY SHARES OF INTERNAL PERSON AND RELATED PERSON OF INTERNAL PERSON

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc
THE SOCIALIST REPUBLIC OF VIETNAM
Independence - Freedom - Happiness

....., ngày ... tháng ... năm .....
....., day ... month ... year .....

BÁO CÁO KẾT QUẢ GIAO DỊCH QUYỀN MUA CỔ PHIẾU/TRÁI PHIẾU CHUYỂN ĐỔI CỦA NGƯỜI NỘI BỘ VÀ NGƯỜI CÓ LIÊN QUAN
REPORT ON RESULTS OF TRANSACTION IN CONVERTIBLE BOND, RIGHTS TO BUY SHARES OF INTERNAL PERSON AND RELATED PERSON OF INTERNAL PERSON

Kính gửi:	- Ủy ban Chứng khoán Nhà nước - Sở Giao dịch chứng khoán - Công ty đại chúng/ Công ty quản lý quỹ
To:	*- The State Securities Commission* *- The Stock Exchange* *- The public company/ The fund management company*

1. Thông tin về cá nhân/tổ chức thực hiện giao dịch/ *Information on individual/ organization:*

2. Họ và tên cá nhân/Tên tổ chức/ *Name of individual/organization*:

- Quốc tịch/ *Nationality:*

- Số CMND, Hộ chiếu, Thẻ căn cước (đối với cá nhân) hoặc Số Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp, Giấy phép hoạt động hoặc giấy tờ pháp lý tương đương (đối với tổ chức), ngày cấp, nơi cấp/ *ID card/Passport No. (in case of individual) or Certificate of business registration No. (in case of organization), date of issue, place of issue.*

- Địa chỉ liên hệ/Địa chỉ trụ sở chính/ *Address*:

- Điện thoại/ *Telephone* :..... Fax: ..... Email: ..... Website: .....

- Chức vụ hiện nay tại công ty đại chúng, công ty quản lý quỹ (nếu có) hoặc mối quan hệ với công ty đại chúng, công ty quản lý quỹ/ *Current position in the public company, the fund management company (if any) or relationship with the public company, the fund management company:*

- Chức vụ tại công ty đại chúng, công ty quản lý quỹ tại ngày đăng ký giao dịch (nếu có)/ *Posittion in the public company, the public fund management company at registration date (if any):*..... và ngày không còn là Người nội bộ hoặc Người có liên quan của Người nội bộ của công ty đại chúng, công ty quản lý quỹ: ..... (nêu rõ lý do) */ *and date on which is no longer internal person or related person of internal person of the public company, the public fund management company:*

*: *Mục này chỉ dành cho trường hợp chưa hết thời hạn đăng ký giao dịch, đối tượng đăng ký không còn là Người nội bộ hoặc Người có liên quan của Người nội bộ của công ty đại chúng, công ty quản lý quỹ/quỹ đại chúng)/ This item is only for cases not yet registration deadline of transaction, the registrant is no longer the internal person or related person of internal person of the public company, the public fund management company/public fund.*

2. Thông tin về Người nội bộ của công ty đại chúng/quỹ đại chúng là Người có liên quan của cá nhân/tổ chức thực hiện giao dịch *(đối với trường hợp người thực hiện giao dịch là Người có liên quan của Người nội bộ của công ty đại chúng/quỹ đại chúng)/ Information about internal person of the public company/public fund is related person of trading individual/organization (in case trader is related person of internal person of the public company/public fund):*

- Họ và tên Người nội bộ / *Name of internal person:*

- Quốc tịch/ *Nationality:*

- Số CMND, Hộ chiếu, Thẻ căn cước/ *ID card/Passport No.:*

- Địa chỉ thường trú/ *Permanent address:*

- Điện thoại liên hệ/ *Address:* Fax: Email:

- Chức vụ tại công ty đại chúng, công ty quản lý quỹ tại ngày cá nhân/tổ chức nêu tại mục 1 đăng ký giao dịch/ *Posittion in the public company, the fund management company at date on which individual/organization referred to in paragraph 1 to register the transaction: ...*

- Chức vụ hiện nay tại công ty đại chúng, công ty quản lý quỹ /*Currently posittion in the public company, the fund management company:*

- Mối quan hệ giữa cá nhân/tổ chức thực hiện giao dịch với Người nội bộ / *Relationship of individual/organization executing transaction with internal person:*

- Số lượng, tỷ lệ cổ phiếu/chứng chỉ quỹ mà Người nội bộ đang nắm giữ (nếu có)/ *Number, ownership proportion of shares held by the internal (if any):*

3. Mã chứng khoán giao dịch/ *Securities code:*

4. Các tài khoản giao dịch có cổ phiếu/chứng chỉ quỹ nêu tại mục 3/*Trading account number with shares/fund certificates mentioned above:*..... tại công ty chứng khoán/ *In securities company:* .....

5. Số lượng, tỷ lệ cổ phiếu/chứng chỉ quỹ nắm giữ trước khi giao dịch trái phiếu chuyển đổi; quyền mua cổ phiếu/chứng chỉ quỹ, quyền mua trái phiếu chuyển đổi/*Number, ownership proportion of shares/fund certificates held before transaction:*

6. Tỷ lệ thực hiện quyền mua hoặc tỷ lệ chuyển đổi trái phiếu thành cổ phiếu/ *Exercise ratio (for trading rights) or conversion rate (for convertible bond transactions):*

7. Số lượng quyền mua (đối với giao dịch quyền mua) hoặc số lượng trái phiếu chuyển đổi (đối với giao dịch trái phiếu chuyển đổi) đăng ký mua/bán/cho/được cho/tặng/được tặng/thừa kế/chuyển nhượng/nhận chuyển nhượng/ *Number of rights (for trading rights) or number of convertible bond (for trading convertible bond) registered to purchase/ sale/ give/ be given/ donate/ be donated /inherit/ transfer/ transferred:*

8. Số lượng quyền mua *(đối với giao dịch quyền mua)* hoặc số lượng trái phiếu chuyển đổi *(đối với giao dịch trái phiếu chuyển đổi thành cổ phiếu)* đã mua/bán/cho/được cho/tặng/được tặng/thừa kế/chuyển nhượng/nhận chuyển nhượng **/ *Number of rights (for trading rights) or number of convertible bond (for trading convertible bond) traded to purchase/ sale/ give/ be given/ donate/ be donated /inherit/ transfer/ transferred:*

9. Số lượng cổ phiếu/chứng chỉ quỹ/trái phiếu chuyển đổi dự kiến nắm giữ sau khi thực hiện quyền mua hoặc số lượng cổ phiếu dự kiến nắm giữ sau khi chuyển đổi trái phiếu thành cổ phiếu/ *Number of shares/fund certificates/convertible bonds expected to hold after exercising the right or number of shares expected to hold after convert bonds to shares:*

10. Phương thức giao dịch/ *Mode of transaction:*

11. Thời gian thực hiện giao dịch/ *Transaction period:* từ ngày/*from* ..... đến ngày/*to*.....

** (Trong trường hợp không thực hiện hết số lượng đăng ký, Người nội bộ /Người có liên quan phải giải trình nguyên nhân.)/
* *(In case of failing to execute full registered number, the internal person/ related person of internal person shall need to explain the reasons.)*

CÁ NHÂN/TỔ CHỨC BÁO CÁO/
NGƯỜI ĐƯỢC ỦY QUYỀN CÔNG BỐ THÔNG TIN
NAME OF REPORTING ORGANIZATION/ INDIVIDUAL/PERSONS AUTHORIZED TO DISCLOSE INFORMATION
(Ký, ghi rõ họ tên, đóng dấu - nếu có)
(Signature, full name and seal - in case of organization)

MẪU – 09
FORM 09

TỔNG CÔNG TY
HÓA CHẤT VÀ DỊCH VỤ DẦU KHÍ-CTCP
PETROVIETNAM CHEMICAL AND SERVICES CORPORATION

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc
THE SOCIALIST REPUBLIC OF VIETNAM
Independence - Freedom - Happiness

Số:
No:

....., ngày ... tháng ..... năm .....
....., month ... day ..... year .....

DANH SÁCH CỔ ĐÔNG NHÀ NƯỚC, CỔ ĐÔNG LỚN
LIST OF STATE SHAREHOLDERS AND MAJORITY SHAREHOLDERS
Kính gửi: Sở Giao dịch Chứng khoán Hà Nội
To: Hanoi Stock Exchange

Mã chứng khoán/*Stock code:*

Ngày chốt danh sách sở hữu/*Record date:*

STT	Tên cá nhân/tổ chức (người đại diện)	Phân loại cổ đông		Số CMND	Ngày cấp	Số lượng CP nắm giữ	Tỷ lệ CP nắm giữ (%)	Ghi chú
		Shareholder type						
		Cổ đông nhà nước	Cổ đông lớn					
No.	*Name of person/organization (name of representative)*	*State shareholder*	*Majority shareholder*	*ID number*	*Date of issue*	*Shareholding (shares)*	*Shareholding (%)*	*Notes*
1	*2*	*3*	*4*	*5*	*6*	*7*	*8*	*9*

Đại diện tổ chức
Organization representative
Người đại diện theo pháp luật/Người được UQ CBTT
Legal representative/Person authorized to disclose information
(Ký, ghi rõ họ tên (chức vụ, đóng dấu-nếu là tổ chức)
(Signature, full name, position, and seal - in case of organization)

MẪU – 10
FORM 10

TỔNG CÔNG TY **HÓA CHẤT VÀ DỊCH VỤ DẦU KHÍ-CTCP** **PETROVIETNAM CHEMICAL AND SERVICES CORPORATION** ---	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc** ***THE SOCIALIST REPUBLIC OF VIETNAM*** ***Independence - Freedom - Happiness*** ----------
Số: *No:*	*....., ngày ... tháng ..... năm .....* *....., month ... day ..... year .....

THÔNG BÁO THAY ĐỔI NHÂN SỰ
CHANGE IN PERSONNEL

(*Mẫu dùng cho các trường hợp bổ nhiệm và/hoặc miễn nhiệm/từ nhiệm*
Applied to cases of appointment and/or dismissal/resignation)

Kính gửi: Sở Giao dịch Chứng khoán Hà Nội
To: Hanoi Stock Exchange

Căn cứ theo Nghị quyết HĐQT số_ngày và/hoặc Nghị quyết ĐHĐCĐ số_ ngày_, của Công ty_ (tên tổ chức), chúng tôi trân trọng thông báo việc thay đổi nhân sự của Công ty_ (tên tổ chức) như sau:

Based on Board Resolution No....dated... and/or General Mandate No.... dated... of ..... (name of organization), we would like to announce the change in personnel of ..... (name of organization) as follows:

Trường hợp bổ nhiệm/In case of appointment (*):

- Ông (bà)/*Mr./Ms.*:
- Chức vụ trước khi bổ nhiệm/*Former position in the organization:*
- Chức vụ được bổ nhiệm/*Newly appointed position*: .....
- Thời hạn bổ nhiệm/*Term*:
- Ngày bắt đầu có hiệu lực/*Effective date:*

Trường hợp miễn nhiệm/từ nhiệm/*In case of dismissal/resignation:*

- Ông (bà)/*Mr./Ms.:*
- Không còn đảm nhận chức vụ/*Dismissed/Resigned position*: .....
- Lý do miễn nhiệm (nếu có)/*Reason (if any):*
- Ngày bắt đầu có hiệu lực/*Effective date:*

**Tài liệu đính kèm/Attached documents:*
- Quyết định HĐQT/Nghị quyết ĐHĐCĐ về việc thay đổi nhân sự;
Board Resolution and/or General Mandate on the change in personnel.
- Danh sách Người có liên quan (mẫu 03_CBTT/SGDCK)
List of related persons (Form 03_CBTT/SGDCK).

Đại diện tổ chức
Organization representative
Người đại diện theo pháp luật/Người UQ CBTT
Legal representative/Person authorized to disclose information
(Ký, ghi rõ họ tên, chức vụ, đóng dấu)
(Signature, full name, position, and seal)

MẪU – 11
FORM 11

TỔNG CÔNG TY
HÓA CHẤT VÀ DỊCH VỤ DẦU KHÍ-CTCP
PETROVIETNAM CHEMICAL AND SERVICES CORPORATION

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc
THE SOCIALIST REPUBLIC OF VIETNAM
Independence - Freedom - Happiness

Số:
No:

....., ngày ... tháng ..... năm .....
....., month ... day ..... year .....

DANH SÁCH NGƯỜI NỘI BỘ VÀ NGƯỜI CÓ LIÊN QUAN
LIST OF INSIDERS AND THEIR RELATED PERSONS

Kính gửi: Sở Giao dịch Chứng khoán Hà Nội
To: Hanoi Stock Exchange

Mã chứng khoán/*Stock code:*

STT	Tên Người nội bộ và người có liên quan	Chức vụ/ Mối quan hệ	Địa chỉ	Số ID, Ngày cấp	SL CP của cá nhân/đại diện sở hữu	Tỷ lệ CP nắm giữ (%)	Ngày bổ nhiệm	Ngày miễn nhiệm	Điện thoại và Fax
No.	*Name of person*	*Position/ Relationship*	*Address*	*ID number, Date of issue*	*Shareholding (shares)*	*Shareholding (%)*	*Appointment date*	*Dismissal date*	*Tel. and Fax*
1	*2*	*3*	*4*	*5*	*6*	*7*	*8*	*9*	*10*
1	Nguyễn Văn A	Người nội bộ							
1.1	Nguyễn Thị B	Người có liên quan của Nguyễn Văn A							
1.2	Nguyễn Văn C	Người có liên quan của Nguyễn Văn A							
1.3									
2									
2.1									
2.2									

*** Ghi chú**/*Notes:*

1. Người nội bộ được hiểu theo quy định tại khoản 5 Điều 2 Thông tư số 155/2015/TT-BTC/*Insiders are interpreted as in clause 5 Article 2 Circular No.*155/2015/TT-BTC.

2. Nếu Người nội bộ là người đại diện vốn cho tổ chức khác làm thành viên HĐQT, Ban Tổng giám đốc, Ban Kiểm soát của công ty, thì ghi rõ thông tin liên quan của tổ chức và người đại diện sở hữu vốn đó/*If insiders are representatives of the institutional investors and acting in BOD, BOM, Supervisory Board, provide detailed information on the institution and the representatives.*

3. Đối với công ty chứng khoán thành viên, chỉ cung cấp thông tin của Người được ủy quyền công bố thông tin và Người có liên quan của Người được ủy quyền công bố thông tin/*Member firms shall only provide information of Authorized person to disclose information and related persons.*

4. Cột 8, cột 9: Áp dụng đối với Người nội bộ /*Columns No 8, 9: Applicable to insiders.*

Đại diện tổ chức
Organization representative
Người đại diện theo pháp luật/Người UQ CBTT
Legal representative/Person authorized to disclose information
(Ký, ghi rõ họ tên, chức vụ, đóng dấu)
(Signature, full name, position, and seal)

MẪU – 12
FORM 12

TỔNG CÔNG TY **HÓA CHẤT VÀ DỊCH VỤ DẦU KHÍ-CTCP** **PETROVIETNAM CHEMICAL AND SERVICES CORPORATION** -------	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc** ***THE SOCIALIST REPUBLIC OF VIETNAM*** ***Independence - Freedom - Happiness*** ----------
Số: *No:*	*....., ngày ... tháng ..... năm .....* *....., month ... day ..... year .....

DANH SÁCH NGƯỜI NỘI BỘ VÀ NGƯỜI CÓ LIÊN QUAN
LIST OF INSIDERS AND THEIR RELATED PERSONS
THÔNG BÁO THAY ĐỔI NGƯỜI CÓ LIÊN QUAN CỦA NGƯỜI NỘI BỘ
CHANGE IN RELATED PERSONS OF INSIDERS

Kính gửi: Sở Giao dịch Chứng khoán Hà Nội
To: Hanoi Stock Exchange

1. Người nội bộ /*Insider*

- Ông (bà)/*Mr./Ms.*:

- Chức vụ hiện tại/*Current position*:

2. Người có liên quan/Related person:

- Ông (bà)/*Mr./Ms.:*

- Địa chỉ liên lạc/*Address:*

- Điện thoại/*Tel.:*

- E-mail:

- Mối quan hệ mới phát sinh/Mối quan hệ trước đây với Người nội bộ /*Relationship/Former relationship with insider:*

- Lý do phát sinh mối quan hệ liên quan/không còn liên quan/Reason for relationship/no longer being related:

- Ngày bắt đầu có hiệu lực/*Effective date:*

Đại diện tổ chức
Organization representative
Người đại diện theo pháp luật/Người UQ CBTT
Legal representative/Person authorized to disclose information
(Ký, ghi rõ họ tên, chức vụ, đóng dấu)
(Signature, full name, position, and seal)

MẪU – 13
FORM 13

TỔNG CÔNG TY **HÓA CHẤT VÀ DỊCH VỤ DẦU KHÍ-CTCP** **PETROVIETNAM CHEMICAL AND SERVICES CORPORATION** -------	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc** ***THE SOCIALIST REPUBLIC OF VIETNAM*** ***Independence - Freedom - Happiness*** ----------
Số: *No:*	*....., ngày ... tháng ..... năm .....* *....., month ... day ..... year ..... .*

THÔNG BÁO THAY ĐỔI GIẤY CHỨNG NHẬN ĐĂNG KÝ DOANH NGHIỆP*CHANGE IN CERTIFICATE OF BUSINESS REGISTRATION*

Kính gửi: Sở Giao dịch Chứng khoán Hà Nội

To: Hanoi Stock Exchange

Căn cứ theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp/Giấy phép thành lập và hoạt động/Giấy phép hoạt động số_ngày_/_/_, do (cơ quan)_ cấp, chúng tôi trân trọng thông báo việc thay đổi Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp/Giấy phép thành lập và hoạt động/Giấy phép hoạt động của Công ty chúng tôi như sau:

Based on the Certificate of business registration/License of Establishment and Operation/License of Operation No... dated... issued by....., we would like to announce the change in the Certificate of business registration/License of Establishment and Operation /License of Operation as follows:

- Tên tổ chức/*Name of organization:*
- Mã chứng khoán/*Stock code:*
- Địa chỉ/*Address:*
- Điện thoại liên hệ/*Tel.:* Fax:
- E-mail:
- Website:

1. Thông tin trước khi thay đổi/*Information before change:*
2. Thông tin sau khi thay đổi/*Information after change:*
3. Lý do thay đổi (nếu có)/*Reason for change (if any):*
4. Ngày có hiệu lực/*Effective date:*

**** Tài liệu đính kèm/Attached documents:*** Giấy phép hoạt động mới *New Certificate/License*	**Đại diện tổ chức** ***Organization representative*** Người đại diện theo pháp luật/Người UQ CBTT *Legal representative/Person authorized to disclose information* *(Ký, ghi rõ họ tên, chức vụ, đóng dấu)* *(Signature, full name, position, and seal)*

MẪU – 14
FORM 14

TỔNG CÔNG TY **HÓA CHẤT VÀ DỊCH VỤ DẦU KHÍ-CTCP** **PETROVIETNAM CHEMICAL AND SERVICES CORPORATION** ------	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc** **THE SOCIALIST REPUBLIC OF VIETNAM** **Independence - Freedom - Happiness** ----------
Số: *No:*	*……, ngày ... tháng ... năm ……* *……, day ... month ... year ……*

THÔNG BÁO (THAY ĐỔI) MÔ HÌNH CÔNG TY VÀ LOẠI BÁO CÁO TÀI CHÍNH
ANNOUNCEMENT OF (CHANGE IN) CORPORATE STRUCTURE AND FINANCIAL STATEMENTS

Kính gửi: Sở Giao dịch Chứng khoán Hà Nội
To: Hanoi Stock Exchange

Căn cứ điểm a khoản 1 Điều 8 Thông tư 155/2015/TT-BTC , Công ty _(tên tổ chức) xin thông báo về việc thay đổi mô hình công ty và loại báo cáo tài chính (BCTC) như sau:
Based on point a, clause 1 Article 8 of Circular No. 155/2015/TT-BTC , we would like to make the announcement of (change in) corporate structure and financial statements as follows:

- Tên tổ chức/*Name of organization:*

- Mã chứng khoán/*Stock code:*

- Địa chỉ/*Address:*

- Điện thoại liên hệ/*Tel.*: Fax:

- E-mail:

- Website:

I. Thông tin đăng ký lần đầu/trước khi thay đổi/*Initial disclosed information/Information before change:*

1. Mô hình công ty (chỉ đánh dấu loại hình phù hợp)/*Corporate structure (tick on applicable option only):*

□ Không có công ty con và đơn vị kế toán trực thuộc/*Having no affiliates or sub-units*

□ Có đơn vị kế toán trực thuộc/*Having sub-units*

□ Có công ty con/*Having affiliates*

□ Có đơn vị kế toán trực thuộc và công ty con/*Having affiliates and sub-units*

2. Loại BCTC công bố thông tin (chỉ đánh dấu các loại BCTC đăng ký công bố thông tin theo quy định tương ứng với loại hình nêu tại khoản 1 mục này)/*Financial statements to be disclosed (tick on the financial statements relevant to the type of business chosen above):*

□ BCTC riêng của công ty/*Uncombined/Unconsolidated Financial statements*

□ BCTC tổng hợp/*Combined financial statements*

□ BCTC hợp nhất/*Consolidated financial statements*

II. Thông tin sau khi thay đổi/*Information after change*

1. Mô hình công ty (chỉ đánh dấu loại hình phù hợp)/*Corporate structure (tick on applicable option only):*

□ Không có công ty con và đơn vị kế toán trực thuộc/*Having no affiliates or sub-units*

□ Có đơn vị kế toán trực thuộc/*Having sub-units*

□ Có công ty con/*Having affiliates*

□ Có đơn vị kế toán trực thuộc và công ty con/*Having affiliates and sub-units*

2. Loại BCTC công bố thông tin (chỉ đánh dấu các loại BCTC đăng ký công bố thông tin theo quy định tương ứng với loại hình nêu tại khoản 1 mục này)/*Financial statements to be disclosed (tick on the financial statements relevant to the type of business chosen above):*

□ BCTC riêng của công ty/*Uncombined/Unconsolidated Financial statements*

□ BCTC tổng hợp/*Combined financial statements*

□ BCTC hợp nhất/*Consolidated financial statements*

3. Lý do thay đổi/*Reason for change:*

4. Ngày bắt đầu có hiệu lực/*Effective date:*

Chúng tôi xin cam kết các thông tin công bố trên đây là đúng sự thật và hoàn toàn chịu trách nhiệm trước pháp luật về nội dung thông tin công bố./*We hereby certify that the information provided is true and correct and we bear the full responsibility to the law.*

**** Tài liệu đính kèm/Attached documents:*** Tài liệu liên quan đến việc thay đổi thông tin đã đăng ký. *Documents on the changes in the registered information.*	**Đại diện tổ chức *Organization representative*** Người đại diện theo pháp luật/Người UQ CBTT *Legal representative/Person authorized to disclose information* *(Ký, ghi rõ họ tên, chức vụ, đóng dấu) (Signature, full name, position, and seal)*

MẪU – 15
FORM 15

TỔNG CÔNG TY
HÓA CHẤT VÀ DỊCH VỤ DẦU KHÍ-CTCP
PETROVIETNAM CHEMICAL AND SERVICES CORPORATION

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc
THE SOCIALIST REPUBLIC OF VIETNAM
Independence - Freedom - Happiness

Số:
No:

……, ngày ... tháng ... năm ……
……, day ... month ... year ……

THÔNG BÁO THAY ĐỔI SỐ LƯỢNG CỔ PHIẾU CÓ QUYỀN BIỂU QUYẾT ĐANG LƯU HÀNH

CHANGE IN OUTSTANDING SHARES WITH VOTING RIGHTS

Kính gửi: Sở Giao dịch Chứng khoán Hà Nội
To: Hanoi Stock Exchange

- Tên tổ chức/*Name of organization:*
- Mã chứng khoán/*Stock code:*
- Địa chỉ/*Address:*
- Điện thoại liên hệ/*Tel.:* Fax:
- E-mail:
- Website:

STT *No.*	**Nội dung** *Contents*	**Trước khi thay đổi** *Before change*	**Thay đổi** *Change*	**Sau khi thay đổi** *After change*	**Lý do thay đổi** *Reason for change*
1	Vốn điều lệ (VNĐ) *Charter Capital (VND)*				
2	Tổng số cổ phiếu *Total number of shares*				
3	Số lượng cổ phiếu quỹ *Number of treasury shares*				
4	Số lượng cổ phiếu có quyền biểu quyết đang lưu hành *Number of outstanding shares with voting rights*				
5	Số lượng cổ phiếu khác (nếu có) *Others (if any)*				

**** Tài liệu đính kèm/Attached documents:***
- Giấy Chứng nhận đăng ký chứng khoán thay đổi/các tài liệu khác có liên quan
- Securities Registration Certificate on the change/Other related documents

Đại diện tổ chức
Organization representative
Người đại diện theo pháp luật/Người UQ CBTT
Legal representative/Person authorized to disclose information
(Ký, ghi rõ họ tên, chức vụ, đóng dấu)
(Signature, full name, position, and seal)

MẪU – 16
FORM 16

TỔNG CÔNG TY **HÓA CHẤT VÀ DỊCH VỤ DẦU KHÍ-CTCP** **PETROVIETNAM CHEMICAL AND SERVICES CORPORATION** ---	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc** ***THE SOCIALIST REPUBLIC OF VIETNAM*** ***Independence - Freedom - Happiness*** ---
Số: *No:*	*....., ngày ... tháng ..... năm .....* *....., month ... day ..... year .....*

CÔNG BỐ THÔNG TIN BẤT THƯỜNG
EXTRAORDINARY INFORMATION DISCLOSURE

Kính gửi: Sở Giao dịch Chứng khoán Hà Nội
To: Hanoi Stock Exchange

1. Tên tổ chức/*Name of organization:*

- Mã chứng khoán/*Stock code:*

- Địa chỉ/*Address:*

- Điện thoại liên hệ/*Tel.:* Fax:

- E-mail:

2. Nội dung thông tin công bố/*Contents of disclosure:*

.....

(Đối với trường hợp đính chính hoặc thay thế thông tin đã công bố cần giải trình rõ nguyên nhân đính chính hoặc thay thế)/*In case of correction or replacement of previously disclosed information, explanation is needed)*

3. Thông tin này đã được công bố trên trang thông tin điện tử của công ty vào ngày_/_/_ tại đường dẫn_/*This information was published on the company's website on ..... (date), as in the link_:*

Chúng tôi xin cam kết các thông tin công bố trên đây là đúng sự thật và hoàn toàn chịu trách nhiệm trước pháp luật về nội dung các thông tin đã công bố/*We hereby certify that the information provided is true and correct and we bear the full responsibility to the law.*

**** Tài liệu đính kèm/Attached documents:*** Tài liệu liên quan đến nội dung thông tin công bố/*Documents on disclosed information.*	**Đại diện tổ chức *Organization representative*** Người đại diện theo pháp luật/Người UQ CBTT *Legal representative/Person authorized to disclose information* *(Ký, ghi rõ họ tên, chức vụ, đóng dấu)* *(Signature, full name, position, and seal)*

MẪU – 17
FORM 17

TỔNG CÔNG TY HÓA CHẤT VÀ DỊCH VỤ DẦU KHÍ-CTCP **PETROVIETNAM CHEMICAL AND SERVICES CORPORATION**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc** **THE SOCIALIST REPUBLIC OF VIETNAM** **Independence - Freedom - Happiness**
Số: **No:**	**....., ngày ... tháng ..... năm .....** **....., month ... day ..... year .....

BẢNG CUNG CẤP THÔNG TIN VỀ QUẢN TRỊ CÔNG TY
INFORMATION ON CORPORATE GOVERNANCE
Kính gửi: Sở Giao dịch Chứng khoán Hà Nội
To: Hanoi Stock Exchange

STT *No.*		Câu hỏi *Question*	Phần trả lời *Answer*
1	**Thông tin chung** ***General Information***	Mã CK/*Stock code*	
2		Tỷ lệ sở hữu của cổ đông Nhà nước (%) *State shareholding (%)*	
3		Cơ cấu tổ chức quản lý/*Organizational structure*: chọn 1 trong 2 *(check one only)* (1): Theo điểm a khoản 1 Điều 134 Luật Doanh nghiệp 2014/*According to point a clause 1, Article 134, Law on Enterprise 2014* □ (2): Theo điểm b khoản 1 Điều 134 Luật Doanh nghiệp 2014/*According to point b clause 1 Article 134, Law on Enterprise 2014* □	
4		Công ty có Ban kiểm toán nội bộ không? (Có/Không) *Does the company have Audit Committee? (Yes/No)*	
5		Số lượng người đại diện theo pháp luật của công ty? *Number of legal representatives?*	
6		Ngày ban hành Điều lệ công ty (bản mới nhất) *Issue date of company's Charter (latest version)*	
7		Điều lệ đã sửa đổi theo Luật Doanh nghiệp 2014 (Có/Không) *Charter amended according to Law on Enterprise 2014? (Yes/No)*	
8		Ngày tổ chức Đại hội đồng cổ đông thường niên/Bất thường (nếu có) *Date of Annual/Extraordinary General Meeting of Shareholders (if any)*	
9		Ngày đăng tải tài liệu Đại hội đồng cổ đông *Release date of documents for General Meeting of Shareholders*	

10		Ngày công bố Nghị quyết và Biên bản Đại hội đồng cổ đông *Release date of General Mandate and Minutes of General Meeting of Shareholders*	
11		Công ty có bị khiếu kiện về việc tổ chức Đại hội đồng cổ đông, Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông không? (Có/Không) *Are there any complaints on the organizing/General Mandate of the company's General Meeting of Shareholders? (Yes/No)*	
12		Số lần bị SGDCK nhắc nhở, lưu ý liên quan đến việc tổ chức và công bố thông tin về Đại hội đồng cổ đông? *Number of times that the Exchange reminds the company of the organizing and information disclosure on the General Meeting of Shareholders?*	
13		Số lần bị Ủy ban Chứng khoán Nhà nước nhắc nhở, lưu ý liên quan đến việc tổ chức và công bố thông tin về Đại hội đồng cổ đông? *Number of times that the State Securities Commission reminds the company of the organizing and information disclosure on the General Meeting of Shareholders?*	
14	**Hội đồng quản trị** ***Board of Directors***	Số lượng Thành viên Hội đồng quản trị hiện nay? *Number of Directors at present?*	
15		Số lượng thành viên Hội đồng quản trị độc lập? *Number of independent Directors?*	
16		Tỷ lệ thành viên Hội đồng quản trị độc lập/Tổng số thành viên Hội đồng quản trị? *Percentage of independent Directors/Total number of Directors?*	
17		Chủ tịch Hội đồng quản trị kiêm nhiệm Tổng giám đốc/Giám đốc không? (Có/Không) *Does Chair of the BOD concurrently hold the CEO position? (Yes/No)*	
18		Số lượng cuộc họp Hội đồng quản trị trong năm? *Number of BOD meetings in the year?*	
19		Công ty có thành lập các tiểu ban trực thuộc Hội đồng quản trị không? (Có/Không) *Does the company establish committees directly under the BOD? (Yes/No)*	
20		Tên các tiểu ban trực thuộc Hội đồng quản trị/ *Names of committees directly under the BOD?*	
21		Công ty có Thành viên Hội đồng quản trị độc lập phụ trách vấn đề lương thưởng, nhân sự không? (Có/Không) *Is there any independent BOD member in charge of remuneration/ reward or human resource? (Yes/No)*	

22		Số lượng kiểm soát viên/kiểm toán viên hiện nay? *Number of members of supervisory board/auditors at present?*	
23		Số lượng kiểm soát viên là kế toán viên/kiểm toán viên/Số lượng kiểm toán viên là kế toán? (liệt kê cụ thể đối với từng người) *Number of supervisors having qualifications of accountants/auditors? Number of members of auditors being accountants?(detailed list by person)*	
24	**Ban kiểm soát/ *Supervisory Board*** **Ban kiểm toán nội bộ (đối với tổ chức không có Ban kiểm soát)** ***Internal Audit Department (in case there is no Supervisory Board in the organization)***	Số lượng kiểm soát viên/kiểm toán viên là người liên quan của Thành viên Hội đồng quản trị, Giám đốc/Tổng Giám đốc và người quản lý khác (liệt kê tên của kiểm soát viên/kiểm toán viên là người liên quan nếu có) *Number of supervisors/auditors being related persons of Directors, CEO and other executives (names of supervisors/auditors being related persons of Directors and CEO, if any)*	
25		Số lượng kiểm soát viên/kiểm toán viên nắm giữ chức vụ quản lý? *Number of supervisors/auditors holding executive positions?*	
26		Số lượng kiểm soát viên/kiểm toán viên là người trong bộ phận kế toán tài chính hay nhân viên công ty kiểm toán thực hiện kiểm toán cho công ty trong vòng 3 năm trước đó *Number of supervisors/auditors who worked in the financial and accounting department or as an auditor for the company within the last 3 years?*	
27		Số lượng cuộc họp Ban kiểm soát/Ban kiểm toán nội bộ trong năm *Number of meetings of Supervisory Board/Audit Committee in the year*	
28		Website công ty cung cấp đầy đủ thông tin cho cổ đông theo quy định? (Có/Không) *Does the company's website provide sufficient information to shareholders as stipulated? (Yes/No)*	
29	**Vấn đề khác** ***Other issues***	Công ty trả cổ tức trong vòng 6 tháng từ ngày kết thúc họp Đại hội đồng cổ đông thường niên (Có/Không) *Does the company pay dividend within 6 months since the end of the Annual General Meeting of Shareholders? (Yes/No)*	
30		Công ty có bị Sở giao dịch chứng khoán hoặc Ủy ban chứng khoán Nhà nước nhắc nhở, lưu ý về giao dịch với các bên liên quan không? (Có/Không) *Have the Exchange or the State Securities Commission*	

		reminded the company on transactions with related parties? (Yes/No)	

Đại diện tổ chức
Organization representative
Người đại diện theo pháp luật/Người UQ CBTT
Legal representative/Person authorized to disclose information
(Ký, ghi rõ họ tên, chức vụ, đóng dấu)
(Signature, full name, position, and seal)

MẪU – 18
FORM 18

TỔNG CÔNG TY HÓA CHẤT VÀ DỊCH VỤ DẦU KHÍ – CTCP **PETROVIETNAM CHEMICAL AND SERVICES CORPORATION**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc** **THE SOCIALIST REPUBLIC OF VIETNAM** **Independence - Freedom - Happiness**
Số: / No: /	*....., ngày ... tháng ... năm .....* *....., day ... month ... year .....*

THÔNG BÁO VỀ VIỆC KẾT THÚC NGHĨA VỤ CÔNG BỐ THÔNG TIN ĐỐI VỚI CÔNG TY ĐẠI CHÚNG QUY MÔ LỚN
ANNOUNCEMENT OF TERMINATION OF INFORMATION DISCLOSURE AS A LARGE-CAP PUBLIC COMPANY

Kính gửi: Sở Giao dịch Chứng khoán Hà Nội
To: Hanoi Stock Exchange

1. Thông tin về tổ chức/*Organization particulars:*

- Tên tổ chức/*Name of organization:*

- Mã chứng khoán/*Stock code:*

- Địa chỉ/*Address:*

- Điện thoại liên hệ/*Tel.*: Fax:

- E-mail:

- Website:

2. Ngày trở thành tổ chức đăng ký giao dịch quy mô lớn: Từ ngày_/_/_

Date of becoming a large-cap public company: From .....

3. Ngày không còn là tổ chức đăng ký giao dịch quy mô lớn: Từ ngày_/_/_

Date of no longer being a large-cap public company: From.....

4. Ngày kết thúc việc công bố thông tin theo quy định đối với tổ chức đăng ký giao dịch quy mô lớn: Từ ngày _/_/_

Termination date of information disclosure as a large-cap public company: From .....

Đại diện tổ chức
Organization representative
Người đại diện theo pháp luật/Người UQ CBTT
Legal representative/Person authorized to disclose information
(Ký, ghi rõ họ tên, chức vụ, đóng dấu)
(Signature, full name, position, and seal)